

Mục lục

A.	Tổng quan một số ý kiến của các nhà nghiên cứu về môtip rồng Việt nói chung và môtip rồng thời Tây Sơn nói riêng	3
I.	“Vị thế” rồng thời phong kiến	3
II.	Đặc trưng của rồng qua các thời	3
III.	Đặc trưng môtip rồng thời Tây Sơn trên bia đá:	9
IV.	Rồng Tây Sơn có đầu sư tử/lân:	9
B.	Thử tìm thêm một số đặc trưng của môtip rồng thời Tây Sơn:	10
I.	Cặp giao, cặp rồng ở quai chuông, mặt bia đá, uynh mộ, ấn triện, bệ đá:	11
1.	Cặp rồng làm quai chuông:	11
2.	Cặp rồng ở uynh thành lăng mộ	18
3.	Cặp rồng trên trán bia:	24
4.	Cặp rồng trên ngự dụng chi ấn của vua Quang Trung:	27
II.	Cặp rồng ở bệ, đá tảng kê cột hay cấm cò:	31
III.	Con rồng đơn trên những sắc phong thời Tây Sơn	36
IV.	Hồi văn hóa long	40
V.	Mặt nà hoặc lá lật	44
VI.	Rồng chạm trên gỗ	46
VII.	Con số 3 thường gặp ở mỹ thuật kiến trúc thời Tây Sơn	49
C.	Việc giám định các môtip giao long - rồng ở Lăng ba vành	52
I.	Giám định môtip rồng ở lăng Ba Vành	52
1.	Uynh thành trong có 3 rồng	53
2.	Uynh thành thứ 2 ở giữa có 4 rồng	55
3.	Uynh thành thứ ba có hai rồng	58
II.	Lăng Ba Vành phù hợp với bài thơ “Khâm văn Đan Dương lăng”	59

ĐẶC TRƯNG MÔTIP RỒNG THỜI TÂY SƠN VÀ VIỆC GIÁM ĐỊNH MÔTIP RỒNG Ở LĂNG BA VÀNH

Lịch sử mỹ thuật cung cấp thông tin về rồng thời Tây Sơn chưa dồi dào. Chẳng qua thời Tây Sơn quá ngắn, bị triều Nguyễn Gia Long coi là nguy triều nên các công trình kiến trúc, các tác phẩm điêu khắc trên gỗ, đá, sành sứ... thuộc về cung đình triều Tây Sơn phần lớn bị tiêu hủy, không còn lưu giữ đáng kể để nghiên cứu mỹ thuật thời Tây Sơn một cách toàn diện, đầy đủ, trong đó có môtip rồng, giao... Tuy nhiên, nhờ một số **chuông đồng, bia đá** thời Tây Sơn còn lưu giữ trong dân gian, được các nhà nghiên cứu phát hiện, các cơ quan hữu trách lưu giữ bản dập để nghiên cứu. Gần đây tiến sĩ **Đình Khắc Thuần** tổng hợp, nghiên cứu và giới thiệu chuông đồng bia đá thời Tây Sơn, chúng ta mới có tư liệu để tham khảo. Chắc chắn mỹ thuật thời Tây Sơn có kế thừa mỹ thuật thời Hậu Lê, mỹ thuật thời Nguyễn Đăng Trong nhưng vẫn có nét riêng biệt. Phan Huy Ích, trọng thần của Tây Sơn, khi nguyên chú bài thơ **Đăng văn miếu ký kiến** từng cho biết triều Tây Sơn có đúc chuông đình theo kiểu thức mới. Có tác giả nhờ đồng tiền Cảnh Thịnh, một mặt khắc chạm môtip “ngư long hý thủy”, cũng rút vài nét về rồng Tây Sơn nhưng chưa làm rõ đặc trưng. Thế thì nghiên cứu để tìm thêm những đặc trưng của môtip rồng, giao long, hồi văn, mẫu viên... thời Tây Sơn nhờ chuông đồng, bia đá là việc nên làm. Phần lớn chuông đồng, bia đá đều có ghi niên đại nên khá thuận lợi trong nghiên cứu. Ngoài ra còn một nguồn tư liệu không thể bỏ qua, dẫu ít nhưng thuộc về cung đình Tây Sơn, có ghi niên đại và có tạo tác rồng, giao long... như sắc phong, ấn triện, uynh thành lăng mộ, bệ đá, đá táng cấm cờ, xà gỗ..., sẽ giúp chúng ta nghiên cứu để bổ sung đặc trưng của môtip rồng, hồi văn hóa long... thời Tây Sơn vậy. Sau khi có thêm những đặc trưng của môtip rồng thời Tây Sơn chúng tôi thử giám định những môtip trang trí ở lăng Ba Vành.

Bài nghiên cứu của chúng tôi gồm:

Phần A Tổng quan một số ý kiến của các nhà nghiên cứu về rồng Việt nói chung và môtip rồng thời Tây Sơn nói riêng.

- I. Tượng ý hình rồng (Trần Phong Lưu)
- II. Đặc trưng rồng thời Lý, thời Trần, thời Lê, thời Nguyễn (Chu Quang Trứ, Lê Thượng Luyên).
- III. Về môtip rồng thời Tây Sơn (Đình Khắc Thuần).
- IV. Rồng thời Tây Sơn có đầu: sư tử/lân (web “Du lịch Việt Nam”).

Phần B Nghiên cứu để tìm thêm đặc trưng của môtip rồng thời Tây Sơn.

- I. Cặp giao, cặp rồng ở quai chuông, uynh thành lăng mộ, mặt bia đá, ấn, bệ đá:
 1. Cặp rồng ở quai chuông Tây Sơn.
 2. Uynh thành mộ ông nội của Tây Sơn tam kiệt.
 3. Mộ ông nội của Tây Sơn tam kiệt có cặp rồng ở mặt bia đá.

4. Cặp rồng cách điệu trên ngự dụng chi ấn của vua Quang Trung.
5. Cặp rồng ở bệ đá cấm cờ của đàn Phụng Trắc.
- II. Con rồng đơn trên các sắc phong thời Tây Sơn.
- III. Hôi văn hóa long thời Tây Sơn.
- IV. Mặt nã hay lá lật có cặp rồng.
- V. Rồng trên gỗ.
- VI. Con số 3 thường gặp trong mỹ thuật kiến trúc thời Tây Sơn.

Phần C Vận dụng kết quả nghiên cứu để giám định môtip rồng, giao long, ở lăng Ba Vành.

- I. Mặt nã, hôi văn hóa long và rồng ở lăng Ba Vành thuộc về thời Tây Sơn.
- II. “Cửu hồi đường” trong bài “Khâm vãng Đan Dương lăng” của Ngô Thì Nhậm có nghĩa gì?

A. Tổng quan một số ý kiến của các nhà nghiên cứu về môtip rồng Việt nói chung và môtip rồng thời Tây Sơn nói riêng

Để tiện nghiên cứu bổ sung nét riêng của môtip rồng Tây Sơn trước hết xin tổng quan một số tư liệu về rồng, giao long mà các nhà nghiên cứu từng công bố trước đây.

I. “Vị thế” rồng thời phong kiến

“Vị thế” rồng thời phong kiến được nhà nghiên cứu **Trần Phong Lưu** đúc kết trong bài “**Tượng ý hình rồng**”, đăng trên báo Độc Lập số 2/1988:

“Xưa kia, Rồng còn là biểu tượng của nhà vua; quan quân, dân chúng không thể nói thẳng đến con người nhà vua mà gọi là mình Rồng, mặt Rồng, Long thể, Long nhan, và nơi vua trú ngụ là điện Rồng, giường vua nằm là Long sàng, xe vua đi là Long xa. Vua sẽ ngự đến thềm Rồng, bệ Rồng, ngồi trên ngai Rồng để bàn định việc trị quốc an dân với bá quan đang châu hầu nơi sân Rồng, văn quan võ tướng đứng hai bên trước hai hàng cột chạm nổi hình Rồng uốn khúc quấn quanh cột, sơn son thiếp vàng cực kỳ tráng lệ. Nói chung, tượng ý hình Rồng thuở đó còn thuộc độc quyền sử dụng của nhà vua trong việc trang trí các cung điện hay chạm khắc trên các vật dụng. Các nhà dân giả, cho đến đình thư các thương quan, ngay cả các vương phủ hoàng thân quốc thích và cả các chùa đền miếu mạo mà không do vua sáng lập hay được chọn làm nơi vua chúa lui về ẩn tu đều không dám chạm vẽ hình Rồng.”

II. Đặc trưng của rồng qua các thời

Đặc trưng của rồng qua các thời được nhà nghiên cứu **Nguyễn Thượng Luyện** dẫn từ sách **Mỹ thuật Lý Trần-Mỹ thuật Phật giáo** của tác giả **Chu Quang Trứ**:

Rồng thời Lý: “Mào, mũi và bờm là những thành phần cơ thể được cấu tạo rất sinh động, bằng những nét độc đáo và được mang theo một ý thức nhất định: Mào thoát ra từ môi đến đường sống quện với răng nanh, xoắn xuýt, rung rinh bốc lên như ngọn

lửa; bờm ở sau gáy cuộn cuộn bốc lên nhiều đợt từ cổ họng, cùng với túm râu ở hàm dưới đều uốn lượn nhịp nhàng như làn sóng và bay lướt tựa lá cờ đuôi nheo được gió, mũi cấu tạo bằng những đường cong xếp chồng nhau phập phồng gây ra ấn tượng về nguồn nước...”.

Rồng thời Trần: “Thành phần cấu tạo của đầu rồng không chặt chẽ như trước: Văn dạng xoắn ốc đôi không thể vắng ở bất cứ con rồng nào thời Lý, thì nay mất dần, bờm và râu kém nhịp nhàng, mào không linh lợi, dần mọc thêm cái tai và cặp sừng cùng kiểu với cái mũi biến dạng đều thuộc về loại thú bốn chân”.

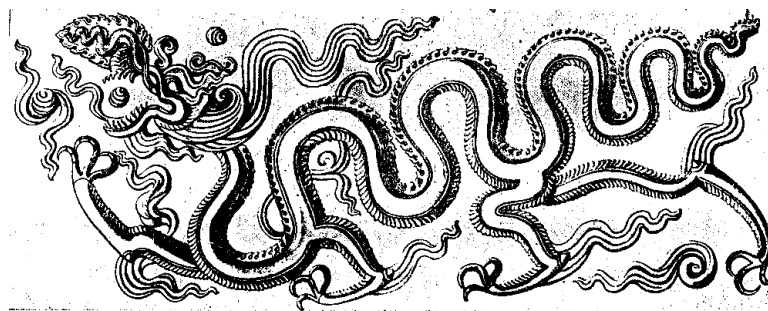
Rồng thời Lê “Đầu to, bờm tóc thô dày, mũi lớn, nhiều sợi rìa, tai thú, sừng vượn xoắn ốc rồi chẻ chạc, chân gân guốc xòe rộng các ngón”. Rồng đời Cảnh Hưng (1740-1786) “Thể hiện yếu ớt, mảnh khảnh, đi vào công thức cân đối khô khan kết hợp với chạm nông, nên hình bẹt và cứng, lại bị biến dạng rắc rối. Râu rồng thường bố trí đều đặn, đuôi cong xoắn lại hình xoáy ốc”.

Rồng nhà Nguyễn “Gượng gạo, ngơ ngác, chấp vá, vụn vặt, cố làm ra vẻ nghiêm chỉnh mà không đường hoàng được, bộ mặt trở thành góm ghiếc, đe dọa... thường xuất hiện với phượng, lân, rùa để hợp thành bộ “Tứ linh”.

Xin được dẫn những hình ảnh về rồng mà các báo điện tử đã đăng tải để có cơ sở nghiên cứu:



Hình 1: Chiếc đầu rồng này được nhân dân xã Gia Viễn, huyện Gia Phương, tỉnh Ninh Bình tìm thấy tại quê hương của vua Đinh Tiên Hoàng. (Báo Thể thao Văn hóa)



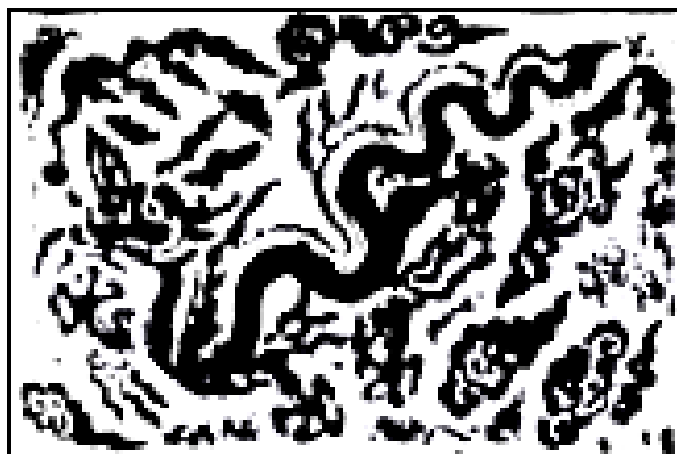
Hình 2: Hình vẽ môtip rồng thời Lý



Hình 3: Đầu rồng bằng đất nung thời Lý



Hình 4: Rồng thời Lý trên mẫu đồ sứ



Hình 5: Hình vẽ rồng thời Trần



Hình 6: Đầu rồng đất nung thời Trần



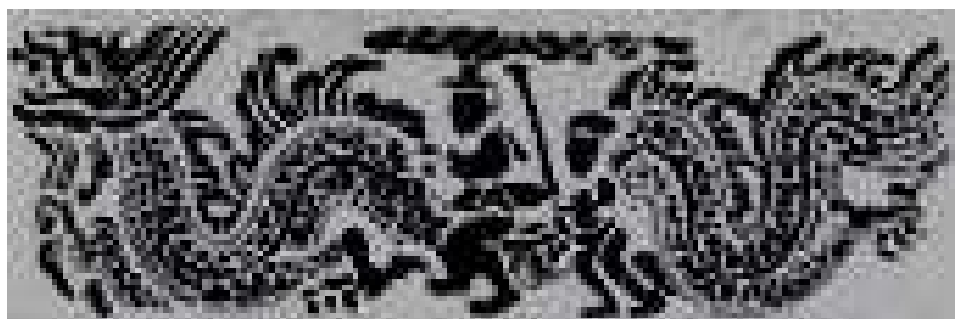
Hình7: Đầu rồng đất nung thời Trần



Hình 8: Hình vẽ rồng thời Lê



Hình 9: Rồng đá điện Kính Thiên thời Lê



Hình 10: Hình vẽ rồng thời Mạc



Hình 11: Rồng thời Mạc trên bình gốm Chu Đậu



Hình 12: Hình vẽ rồng thời Nguyễn



Hình 13: Rồng đá thời Nguyễn

III. Đặc trưng môtip rồng thời Tây Sơn trên bia đá:

Tiền sĩ Đinh Khắc Thuân từng nghiên cứu hàng trăm bản dập các mặt bia dân gian, tạo tác thời Tây Sơn, ông đúc kết: “*Trước hết nói về hình rồng. Rồng trên bia Tây Sơn được thể hiện với hai dạng chính: cách điệu và tả thực. Trong đó cách điệu là phổ biến, gồm cách điệu lá và cách điệu mây. Hình rồng cách điệu này đã xuất hiện ở giai đoạn cuối Lê; và tồn tại ở một số loại bia thời Nguyễn. Tuy nhiên trên bia Tây Sơn, hình rồng cách điệu thường giản đơn, không rối rắm. Các chi tiết phụ của rồng như mào, chân, đuôi được cách điệu bởi những ngọn lá hoặc những áng mây. Đuôi rồng thường là một tàu lá chẻ đôi uốn cong về hai phía. Rồng tả thực mang dáng dấp rồng yên ngựa thân dài uốn nhiều khúc tựa hình rồng trang trí trên bia và đồ gốm Mạc*



Hình 14: Một bản dập bia thời Tây Sơn

IV. Rồng Tây Sơn có đầu sư tử/lân:

Web “Du lịch Việt Nam” có giới thiệu về rồng:

“*Rồng - Đầu sư tử/ Lân:*

Con rồng đời Lê tuy vẫn kế thừa hình tượng của rồng thời Lý - Trần, nhưng cũng đã du nhập ngoại dạng của rồng phương Bắc: dữ, uy nghi. Thời Tây Sơn phục hồi hình dạng của rồng đời Trần và Lê Sơ: thân rồng đẹp, mềm mại và cái đầu dũng mãnh. Đầu rồng này giống như hình rồng trên đồng tiền Cảnh Thịnh (1792-1802): đầu sư tử/ lân.”



Hình15: Hình vẽ rồng trên tiền Cảnh Thịnh



Hình 16: Rồng thời Tây Sơn trên đồng tiền Cảnh Thịnh

Qua các ý kiến nêu trên, có thể nêu một số đặc trưng về môtip rồng Tây Sơn:

- **Rồng thời Tây Sơn nghiêng về cách điệu hơn là tả thực, cách điệu lá và cách điệu mây.**
- **Rồng thời Tây Sơn kế thừa và phát triển rồng thời Trần và Lê sơ.**
- **Thân rồng tả thực mềm mại, uốn lượn nhưng có đầu dũng mãnh của đầu sư tử/lân.**
- **Rồng cách điệu có mào, sừng, chân, đuôi được cách điệu bằng những ngọn lá hay áng mây. Đặc biệt đuôi rồng là tàu lá chẻ đôi uốn cong về hai phía.**

Tư liệu thuộc cung đình Tây sơn quá hiếm nên các ý kiến nói trên về môtip rồng Tây Sơn cũng chưa nhiều, bởi vậy việc tìm kiếm thêm tư liệu để nghiên cứu bổ sung những nét riêng cho môtip rồng của Tây Sơn là việc cần làm.

B. Thử tìm thêm một số đặc trưng của môtip rồng thời Tây Sơn:

Ngoài chuông đồng, mặt bia chúng tôi nghiên cứu thêm sắc phong, ấn triện, uynh thành lăng mộ, mặt nả, bệ đá... để tìm thêm nét riêng của môtip rồng thời Tây Sơn và những môtip có liên quan.

I. Cặp giao, cặp rồng ở quai chuông, mặt bia đá, uynh mộ, ấn triện, bệ đá:

1. Cặp rồng làm quai chuông:

Theo Tiến sĩ Đinh Khắc Thuân thì các chuông đồng thời Tây Sơn có một đặc điểm là **quai chuông** không chỉ là **con rồng đơn** uốn thành mà là một **cặp rồng** có đuôi dính vào nhau... Tất nhiên quai chuông kiểu này cũng xuất hiện vào thời cuối Lê đầu Nguyễn, ví dụ ở tổ đình Thuyền Tôn (Huế) có chuông cổ đúc năm Cảnh Hưng thứ 8 (hình 22) với quai chuông là **cặp rồng**. Đầu cặp rồng có đủ hai đầu rồng nhưng hai đuôi biến mất, cách điệu bằng hình cái núp, vì thế trông quai chuông như một con rồng có hai đầu. Môtip này khác môtip cặp rồng ở quai chuông Tây Sơn. Thật vậy **cặp rồng ở quai chuông Tây Sơn với hai đuôi rõ ràng, dính vào nhau**. Quan sát quai chuông của 8 chuông đồng thời Tây Sơn ở 8 bức ảnh chụp: chuông **La Chữ** đúc năm Quang Trung thứ 4 [1791] (Hình 24), chuông chùa **Phổ Minh** đúc năm Cảnh Thịnh thứ 6 [1798] (hình 25), chuông chùa **Vạn Phúc** đúc năm Cảnh Thịnh năm thứ 6 [1798] (Hình 26), chuông **Hạ Lang** (Thừa Thiên Huế) đúc năm Cảnh Thịnh thứ 7 [1799] (Hình 27), chuông **Tĩnh Lâu** đúc năm Cảnh Thịnh thứ 7 [1799] (Hình 28), chuông **Cảnh Dương** đúc năm Cảnh Thịnh thứ 9 [1801] (Hình 29), chuông **Tân Dậu** đúc năm Bảo Hưng nguyên niên [1801] (Hình 30) thì thấy quai chuông với hai con rồng có hai đuôi rõ ràng và dính vào nhau như nói ở trên. Quai chuông những thế kỷ 9, 10 cũng có hai đầu như đầu rắn, tiền thân của giao, rồng về sau (hình 16, hình 17). Phải chăng quai chuông ở hình 17, hình 18 là hai con **bồ lao**, linh vật thích âm to, một dạng rồng con. Trừ ngoại lệ, nhìn chung quai chuông thời Tây Sơn có xu hướng làm rõ hai con rồng đủ đầu và đuôi, chân có khuỷu vuông. Còn quai chuông thời cuối Lê đầu Nguyễn lại có xu hướng giản lược hai đuôi, như một con rồng hai đầu, khuỷu chân bớt vuông, thậm chí bả chân và cẳng chân hợp nhau góc nhọn.

Trong bài **Di sản văn hóa chuông đồng Bắc Giang** có đoạn viết về dáng chuông và quai chuông: “*Trên đất Bắc Giang những quả chuông cổ đã được phát hiện vào thời Tây Sơn chiếm số nhiều, một số quả chuông tiêu biểu như: chuông chùa Cò xã Mỹ Thái đúc năm Cảnh Thịnh thứ 6-1798, chuông chùa Đoan Minh đúc năm 1793 xã Vân Hà, chuông chùa Trung Đồng đúc năm 1793 xã Vân Trung, huyện Việt Yên... Về tạo dáng, chuông có hình dạng: miệng loe, lòng rộng, thân cao, vai lạt, trên đỉnh có quai treo được tạo bởi một hoặc hai rồng chính và bốn rồng con chụm dính vào nhau. Nếu quai chuông chỉ là một con rồng thì tạo phần đầu và phần đuôi rồng được làm cân đối, có điểm chốt treo trên móc vào giữa lưng rồng, còn quai được làm bởi hai con rồng, hình rồng đầu lưng vào nhau, hai đầu toạ hai bên núp treo ở chính giữa hai thân rồng. Chuông thời Nguyễn phát triển phong phú về loại hình gồm nhiều kích cỡ, thời kỳ này kiểu dáng chuông phát triển theo chiều dài nên nhìn hơi gầy so với thời kỳ trước, chuông thường tạo đứng nên cảm giác hơi cứng, **quai chuông thường làm thành hai con rồng ngoắc đuôi vào nhau...**”.*

Để minh họa, chúng tôi trích dẫn các ảnh chuông đồng tiêu biểu, mà các nhà nghiên cứu đã công bố trên các báo điện tử:



Hình 17: Chuông đúc năm 798 (Bắc thuộc) với quai chuông như rắn hai đầu (viện KC)



Hình 18: Chuông đồng thời Ngô (948) với quai chuông có hai đầu cù (viện KC)



Hình 19: Chuông chùa Bình được đúc vào năm 1295 thời Trần (Ảnh Đinh Khắc Thuân)



Hình 20: Quả chuông được đúc thời Lê ở Linh Vân tự (Vĩnh –Nghệ An).
(giaodiemonline-Quốc Cường)



Hình 21: Chuông chùa Thiên Mụ đúc thời chúa Nguyễn Phúc Chu



Hình 22: Quai chuông thời Lê (chuông đúc năm Giáp Dần [1734]) (www.baotuyenquang)



Hình 23: Chuông đồng Thuyền Tôn, đúc năm Cảnh Hưng thứ 8.



Hình 24: Chuông đồng La Chử, đúc năm Quang Trung thứ 4 [1791].



Hình 25: Chuông chùa Phổ Minh (Nam Định) đúc năm Cảnh Thịnh thứ 6(1798)
(www.vietnamtourist.com)



Hình 26: Chuông đồng Vạn Phúc đúc năm Cảnh Thịnh thứ 7 [1799]
(Tuổi trẻ online).



Hình 27: Chuông đồng Hạ Lang (Thừa Thiên Huế), đúc năm Cảnh Thịnh thứ 7[1799].
(BTVHDG Huế)



Hình 28: Quả chuông chùa Tĩnh Lâu đúc năm Cảnh Thịnh thứ 7 [1799] (Ảnh Lê Bích)



Hình 29: Chuông Cảnh Dương đúc năm Cảnh Thịnh thứ 9 (1801) (Giác ngộ online)



Hình 30: Chuông đồng Tân Dậu đúc năm Bảo Hưng nguyên niên[1801].



Hình 31: Chuông đúc năm Gia Long thứ 14.
(www.thientam.vn)



Hình 32: Chuông đúc năm 1822 tôn trí ở Ngọ Môn Huế (ảnh vnphoto.net)

Tóm lại quai chuông thời Tây Sơn có xu hướng làm rõ hai con rồng với khuỷu chân vuông, tức “bả chân” và “cẳng chân” hợp nhau góc vuông. Còn quai chuông thời cuối Lê đầu Nguyễn trông như con rồng hai đầu, có khuỷu chân không vuông, thậm chí “bả chân” và “cẳng chân” hợp nhau một góc nhọn.

2. Cặp rồng ở uynh thành lăng mộ

Trên đây là phần nghiên cứu **cặp rồng** ở quai chuông đồng, thứ đến hãy nghiên cứu cặp rồng, hay cặp giao long làm uynh thành những ngôi mộ cổ của thời cuối Lê đầu Nguyễn và của thời Tây Sơn.

Trong B.A.V.H tập XV, 1928 với bài nghiên cứu **“Lăng mộ của người An Nam trong vùng phụ cận Huế”** L. Cadiere đã công bố hơn 300 ngôi mộ cổ, phần lớn thuộc về thời cuối Lê đầu Nguyễn. Đặc biệt có hai ngôi mộ cổ, với kiến trúc khác thường, bia bị đục phá, uynh thành trong cùng được đắp thành hai con cù hoặc hai giao long. Cù là dạng rồng con, còn giao long là dạng rồng con hóa rồng hoặc ngược lại (quan điểm của Cadiere). Thời cuối Lê đầu Nguyễn bao gồm thời Tây Sơn, lịch sử mỹ thuật chắc chắn có đột biến. Thật vậy, đầu thời gian Tây Sơn xưng đế ở Phú Xuân quá ngắn, 1789 đến 1801, nhưng vua Cảnh Thịnh và một số đại thần có phụ mẫu qua đời ở Phú Xuân, ắt có xây dựng hoặc tôn tạo mộ phần cho thân nhân ở phụ cận thành Phú Xuân. Và dĩ nhiên khi triều Gia Long xếp Tây Sơn vào loại “ngụy triều” thì các đại quan của “ngụy triều” cũng bị ghép vào trọng tội. Thế thì thân nhân quá cố của họ phải chịu những hình thức trị tội như mộ bị quật, bia bị đục,... Mộ phần thân nhân của vua con triều Tây Sơn trở nên hoang phế vì con cháu hoặc bị giết, hoặc bị lưu đày hoặc đi trốn....

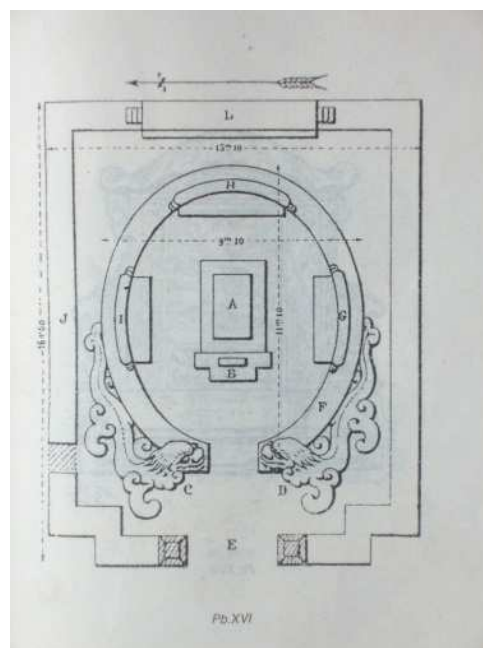
Sau đây là phần công bố của Cadiere về hai ngôi mộ độc đáo, bia bị đục:

“101 Làng Phú Xuân, thôn Trường Giang – Đồ bản B.

Phụ bản XV – XVI: A- Mộ liếp hình chữ nhật, có hai cấp; B-Bia với ghế bia (Pb. XVII) không may văn khắc bị đục xóa hoàn toàn; F-Uynh thành nội, dạng kiềng ngựa, hình thuẩn, 11m10 đi sâu vào trong; chiều rộng 9m10 với bình phong hậu; H- Bình phong bên phải; G- Bình phong bên trái; I- Trước ba bình phong, là ba ghế để đồ cúng; mặt trong của tường được trang trí, trên toàn nửa sau những hình vẽ đắp nổi mà chúng tôi sẽ miêu tả chi tiết sau này; những cột trụ ở cửa vào uynh thành nội được cấu tạo hai con cù lớn mà chỉ cái đầu cù là được đắp từ đầu C, D (Pb XVIII-XIX); phần còn lại của thân thể được cách điệu hóa với những khúc cuộn; J- Uynh thành ngoại, hình chữ nhật, chiều sâu vào trong được 16m60 và chiều rộng được 13m10. Kiểu uynh thành hình thuẩn – chữ nhật ấy gọi là kiểu phương viên (“vuông tròn”)...”. Nhờ khảo tả của Cadriere và hình vẽ minh họa mới biết có một cặp cù với hai đầu, còn những phần khác của cù đã cách điệu:



Hình 33: Hình vẽ ngôi mộ số 101 có hai con cù.

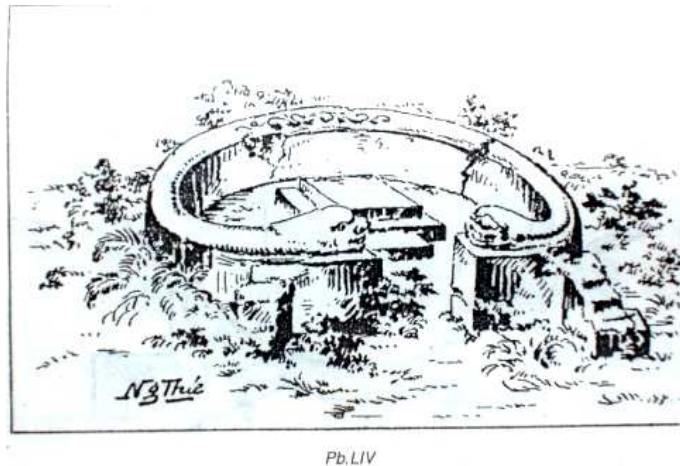


Hình 34: Bình đồ ngôi mộ số 101.

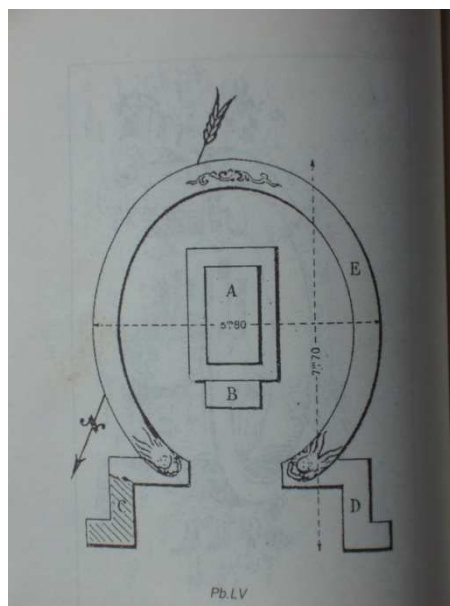
Và cũng trong bài viết trên, Cadiere lại khảo tả ngôi mộ thứ 173 cùng với hình vẽ minh họa:

“Làng Phú Xuân, thôn Phước Quả. Đồ bản B.

Phụ bản LIV- LV: A-Liếp mộ có 2 tầng; B- Kỷ hương; E- Uynh thành kiểu ngựa rộng 5m80, hơi cao hơn ở phía bình phong hậu, với hai cái đầu con giao long, tạo thành cột trụ của cửa ra vào; C, D – Nữ tường có góc vuông, bao quanh sân bái đình.”



Hình35: Hình vẽ phối cảnh ngôi mộ số 173 chỉ một uynh thành là 2 giao long.



Hình 36: Bình đồ ngôi mộ số 173.

Giao long ở đây thuộc loại rồng con hay cù dật, hai đuôi đã được cách điệu mây. Chân trước mỗi con giao long đã biến thành nữ tường, bẻ góc thước thợ hai lần.

Hai ngôi mộ cổ với uynh thành trong là giao long nói trên thuộc loại hiếm ở Huế. Cả hai ngôi mộ nói trên đều bị đục bia, không biết chủ nhân. Tuy nhiên có thể đoán định

hai ngôi mộ trên có chủ nhân là bậc quyền quý, mộ được xây vào khoảng cuối Lê đầu Nguyễn.

Một vấn đề cần thảo luận: Mộ các bậc quyền quý của triều Tây Sơn theo kiểu thức nào? Do lăng mộ triều Tây Sơn bị quật phá, nếu còn thì không nguyên vẹn, vì thế gặp nhiều vấn nạn khi nghiên cứu kiểu thức tạo tác rồng, cù, giao long của lăng mộ Tây Sơn. **Phải chăng hai ngôi mộ bia bị đục, do Cadierre công bố nói trên (các hình 33, 34, 35, 36), cùng với bốn ngôi mộ cổ ở Vân Quĩ, Hải Tân, Quảng Trị (hình 37) là những ngôi mộ mà chủ nhân là phụ mẫu của các đại quan triều Tây Sơn ở Phú Xuân?**



Hình 37: Một ngôi mộ ở Quảng Trị, chủ nhân sống thời chúa Nguyễn nhưng khả năng con cháu làm quan lớn triều Tây Sơn, xây mộ cho thân nhân vào thời Tây Sơn (NP Bảo Đàn)

Thường các dòng họ rất lo lắng vấn đề mồ mả, với quan niệm “sống nhà thác mồ”. Vì tin thuật phong thủy và vì hiếu sự người ta không bỏ bê mồ mả cha ông. Những ngôi mộ bề thế nêu trên, cùng kiểu thức kiến trúc thuộc vào thời cuối Lê đầu Nguyễn, uynh trong được tạo tác thành cặp giao long, **lai bị đục bia, nhất là bị bỏ hoang phế** thì có khả năng chúng được xây dựng vào thời Tây Sơn. Thật vậy chỉ có những dòng họ thuộc vào hàng danh gia vọng tộc mới có điều kiện xây mộ cho cha mẹ, ông bà khá bề thế, trang trí cù, giao long, một cách tôn quý hơn cả lăng mộ các chúa Nguyễn. Và phải có người trong họ phạm trọng tội với triều Nguyễn, bị án tru di tam tộc thì lăng mộ tổ tiên của họ mới lâm vào tình trạng như trên. Khi các chúa Nguyễn Đàng Trong vẫn còn dùng niên hiệu vua Lê, các chúa Nguyễn vẫn giữ một nguyên tắc khi xây lăng cho các chúa: **không dùng kiểu thức uynh thành trong là một cặp giao long hay một cặp cù.** Vậy không thể có một dòng họ các đại quan của thời chúa Nguyễn Đàng Trong, dám xây lăng mộ cho các người thân với uynh trong là cặp giao long hay cặp cù. **Chỉ có dòng họ Nguyễn ở ấp Tây Sơn, cùng các đại thần triều Tây Sơn trị vì ở Phú Xuân, mới làm được điều đó.** Tất nhiên vì thời Tây sơn quá ngắn, nên số lăng mộ, có uynh trong là cặp

củ hay cặp giao long, không thể nhiều. Chỉ khi triều Nguyễn đã suy tàn, dân thường của thế kỷ 20, 21 mới tự do trang trí mộ người thân bằng các dạng môtip củ, giao long, rồng. Còn những ngôi mộ cổ của các vị công hầu của thời chúa Nguyễn và vua Nguyễn không bao giờ xây uynh trong thành cặp giao long. Bậc đại công thần như Nguyễn Văn Thành khi sửa mộ mẹ có dùng **môtip nghệ** liền bị ghép vào tội **“sửa mộ mẹ quá phép”**!

Với nhận định trên, khi phát hiện mộ cổ thì ít nhiều đã có một số tiêu chí để giám định thời kỳ xây dựng mộ. Một thực tế phổ biến là thường các dòng họ dựng bia trước, về sau có điều kiện người ta mới tôn tạo lăng mộ lớn và bề thế hơn. Niên đại bia chưa đủ khẳng định niên đại xây dựng lăng mộ.

Năm 2006, ở Bình Định phát hiện ngôi mộ của Hiên Tổ khảo (ông nội) của Tây Sơn tam kiệt. Nhà nghiên cứu **Huỳnh Văn Mỹ** viết bài giới thiệu trên báo Tuổi Trẻ, có ảnh chụp một phần các uynh thành của ngôi mộ (hình 38). Sau đó nhà nghiên cứu **Vũ Ngọc Liễn** có đăng bài **Lăng mộ cổ của dòng họ Nguyễn Tây Sơn** trên báo Bình Định, ông viết về mộ ông nội của Tây Sơn tam kiệt:

“Hiện trạng tấm bia vừa trình bày cho phép chúng ta xác định đây là tấm bia do bàn tay con người đem chôn một cách cố ý. Vậy vấn đề tiếp theo cần phải tìm hiểu là ngôi mộ của bia này ở đâu.

*Nhìn sang bên cạnh, cách chỗ chôn bia chừng 15m có một ngôi mộ cổ. Mộ nằm hướng Bắc-Nam, đầu quay về núi, thuộc địa phận xóm Phú Thọ Chính, khuôn viên mộ nằm trên một gò cao khá rộng, chung quanh là ruộng lúa, hình dáng mộ "thượng đầu qui, hạ đầu thành", làm bằng vôi "bồi ghè", thân dài 1,60m. **Có thành nội, thành ngoại, giữa hai thành cách nhau 60cm, cách mộ chừng bốn năm mét còn dấu vết một vòng thành thứ ba, trước mộ chừng ba mét có hai trụ biểu cao 1m, hai búp sen trên trụ biểu bị vỡ nham nhỏ.***

Chính giữa chân mộ còn dấu vết chỗ cắm bia đã bị gỡ tự bao giờ chỉ còn lại khoảng trống lõm”.



Hình 38: Anh Mai Văn Châu bên nắm mộ cổ được nhiều người cho là mộ ông nội của Tây Sơn tam kiệt ở đồng Lăng, làng Phú Lạc - Ảnh: H.V.Mỹ.

Do tính đăng đối ở kiến trúc lăng mộ nói chung nên có thể nhận thấy trong ảnh ở hình 38, ngôi mộ Tây Sơn có 3 uynh thành, đặc biệt uynh thành trong là một **cặp giao**

long, theo môtip cá sấu mọc sừng hay cù dật. Và tất nhiên ngôi mộ này cũng chung số phận với các ngôi mộ nêu trên.

Ngày 11-12-2008 ở Thừa thiên Huế phát hiện một ngôi mộ cổ thời chúa Nguyễn, nhiều báo đăng tin, xin trích một đoạn tin của Tin.247.com:

“Ngôi mộ có vòng thành được xây theo hình vòng cung dày 0,4m. Phần lớn của ngôi mộ đang bị cát lấp, tuy nhiên, trong quá trình thăm dò những công nhân của Công ty khai thác khoán sản Thừa Thiên Huế đã làm xuất lộ một số chi tiết như đầu rồng, tấm bình phong hậu cùng nhiều hán tự và hoạ tiết trang trí như thường gặp trên các công trình kiến trúc, mỹ thuật thời chúa Nguyễn.

Từ những chữ “Đinh Mùi mệnh hạ niên cát nhật phụng lập” và hoạ tiết trên tấm bình phong, cán bộ bảo tàng lịch sử cách mạng tỉnh cho rằng: Ngôi mộ được lập vào ngày tốt tháng tư năm Đinh Mùi, có thể vào thời các chúa Nguyễn”.



Hình 39: Hoa văn trang trí



Hình 40: Đầu rồng



Hình 41: Những ký tự còn lại trên tấm bình phong hậu

Thế kỷ 18 có hai năm Đinh Mùi: Đinh Mùi [1727], Đinh Mùi [1787]. Ngôi mộ này phụng lập năm 1727 hay 1787?

Nếu phụng lập năm 1727, là năm chúa Nguyễn Phúc Chu mới nối ngôi được 3 năm, không dùng uynh thành giao long (xem hình 42) khi xây lăng Trường Thanh cho thân phụ là chúa Nguyễn Phúc Chu, như lăng các chúa đời trước. Thử hỏi thời chúa Nguyễn, một đại quan nào đó dám làm uynh thành lăng mộ cho phụ mẫu với uynh trong là cặp giao long châu quanh nắm mộ hay không?



Hình 42: Lăng Trường Thanh của chúa Nguyễn Phúc Chu, không có uynh thành là cặp giao long.

Nếu ngôi mộ này được dựng năm 1786 thì có khả năng hơn. Thật vậy, năm 1787, chỉ một năm sau khi Nguyễn Huệ thanh toán tập đoàn phong kiến họ Trịnh, đế quyền vua Lê đã phai mờ, con rồng cung đình không còn quyền sở hữu của nhà vua mà nó đã đi vào dân gian với biến hóa kiểu “giao long”. Ngôi mộ này có khả năng do một vị quan lớn của Tây Sơn xây cho phụ mẫu và khi vua Gia Long trở lại Phú Xuân thì ngôi mộ tất nhiên phải thành hoang phế và bị vùi dưới cát mà thôi.

3. Cặp rồng trên trán bia:

Cặp rồng hay cặp giao long còn xuất hiện trên **trán bia** theo kiểu lưỡng long tranh châu, lưỡng long triều nguyệt... Mỗi con rồng khắc trên trán bia theo cách tả thực hoặc

cách điệu. Trán bia thời Lý với thân rồng uốn lượn kiểu “tam ba cử chiết” rõ ràng (hình 43). Trán bia thời Trần chụp được ở Yên Tử, không được rõ, vẫn thấy kế thừa rồng thời Lý nhưng có vẻ phóng khoáng hơn (hình 43). Cặp rồng thời Lê sơ trên trán bia Vĩnh Lăng lại tuân thủ nguyên tắc “tam ba cử chiết” và uy nghi. Sang thời hậu Lê, nhất là thời Trịnh Nguyễn phân tranh thì cặp rồng đã nghiêng về cách điệu kiểu mây hóa hoặc lá hóa (hình 45, hình 46).



Hình 43: Trán bia thời Lý ở chùa Quỳnh Lâm (Ảnh Võ văn Tường)



Hình 44: Trán bia đời Trần ở Yên Tử (phusaonline)



Hình 45: Trán bia Vĩnh Lăng có cặp rồng thời Lê sơ
(vẫn mang phong cách rồng thời Lý-Trần)



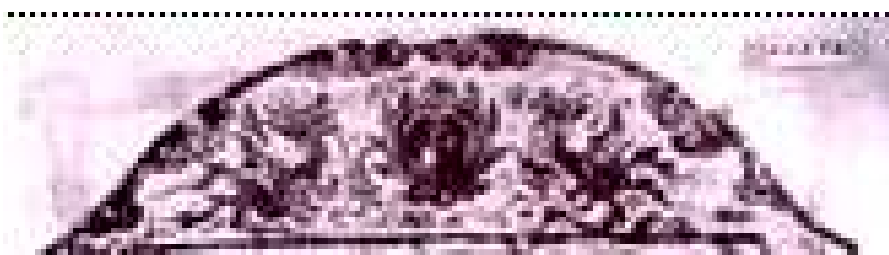
Hình 46: Trán bia chùa Thiên Mụ, do chúa Nguyễn Phúc Chu dựng năm 1715, có cặp rồng thời chúa Nguyễn.



Hình 47: Trán bia ở trước chùa Vạn Phước với cặp rồng cách điệu bằng lá có khả năng do chúa Nguyễn Phúc Chu dựng ở miếu lễ Lê Thánh Tông vào thời kỳ chấn hưng Đàng Trong để xin phong vương.

Còn cặp rồng trên trán bia Tây Sơn được tiền sĩ Đinh Khắc Thuân đúc kết:

“Các hình trang trí, chủ yếu được khắc trên trán bia loại bia dẹt và trên diềm bia các loại khác Đề tài trang trí trên trán bia gồm: mặt nguyệt, mặt nguyệt - rồng, mặt nguyệt - phượng, mặt nguyệt - hoa mây, hổ phù... Trong đó đề tài mặt nguyệt - rồng là chủ yếu (73/118 chiếc. Chiếm 65%. Sau đó là đề tài mặt nguyệt - hoa mây (27 chiếc). Đề tài trang trí trên diềm bia gồm: dây leo hoa lá, hoa chanh, hoa văn hình học, động vật, sóng nước, án thư... Trong đó chủ yếu là các đề tài về lá.”



Hình 48: Một bản dập bia có rồng lá (nguoihatinh.net).



Hình 49: Một trần bia có cặp rồng cách điệu được vẽ lại trong L'art de Hue.

Tuy nhiên trần bia với cặp rồng tả thực hay cách điệu nói trên chỉ là môtip trang trí trên bia dân gian, còn bia của các vua, hoàng hậu nhà Tây Sơn không tìm thấy. Thật may mắn, năm 2006 Bình Định đã phát hiện tấm bia của ngôi mộ ông nội của Tây Sơn tam kiệt. Vua Thái Đức Nguyễn Nhạc dựng bia này, nên việc phát hiện tấm bia giúp các nhà nghiên cứu có thông tin về việc tạo tác bia mộ của cung đình Tây Sơn.

Bia của ngôi mộ nói trên cũng có 2 cặp rồng được chạm nổi trên trần bia. Nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Liên viết: ***“Bia làm bằng một tảng đá lớn, chiều dài (cao) 125 cm, chiều ngang (rộng) 68,5 cm. Độ dày (gáy) 13 cm. Đường diềm (viền chung quanh) 10 cm. Chân bia có mộng cắm vào đế riêng, mộng cắm đo được: 20-45-13cm. Chung quanh đường viền chạm nổi bốn con rồng nối đuôi nhau, rồng 5 móng, đầu hai con rồng phía trên châu vào mặt trời ở giữa, thường gọi là “long tranh châu” hoặc “triều châu”. Riêng phần đáy diềm thì chạm nổi “thủy ba” (lượn sóng).”***

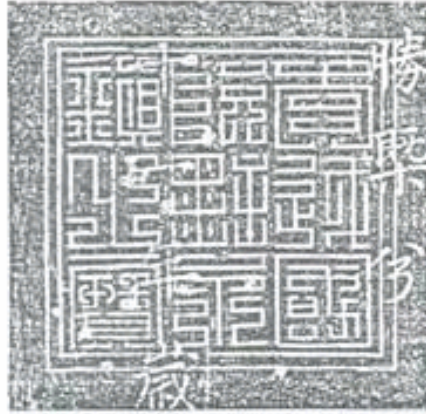
Như vậy thời cuối Lê đầu Nguyễn, đế quyền của nhà Lê thực sự đã mất, các dòng họ Trịnh ở Đàng Ngoài, họ Nguyễn Đàng Trong và tiếp đến là họ Nguyễn Tây Sơn đã nổi lên cát cứ, con rồng không còn thuộc về cung đình nhà Lê mà đã xuất hiện ở bia mộ của các họ khác dưới dạng cách điệu. Riêng triều Tây Sơn đã xưng đế nên bia mộ của họ Nguyễn Tây Sơn không những dùng cặp giao long ở uynh thành trong của lăng mộ mà còn dùng cặp rồng trên trần bia nữa. Ngoài ra đường viền của bia cũng chạm nổi rồng năm móng nối đuôi nhau.

4. Cặp rồng trên ngự dụng chi ấn của vua Quang Trung:

Ấn chương học Việt Nam đã hình thành trong đó có công trình lớn của tiến sĩ **Nguyễn Công Việt**. Rất nhiều ấn triện của các triều phong kiến ở nước ta và Trung Quốc được sưu tập công phu, nghiên cứu rất khoa học và đã công bố trên **Diễn đàn lịch sử Việt Nam**. Chúng tôi chỉ dựa vào những ấn triện có khắc cặp rồng mà tiến sĩ Nguyễn Công Việt đã công bố và ấn “Ngự dụng chi ấn” của vua Quang Trung (do BTĐG Huế công bố) để nghiên cứu môtip rồng nói chung và môtip rồng Tây Sơn nói riêng.

Sau đây là các ấn có khắc cặp rồng:

Thời chúa Nguyễn Phúc Chu muốn chấn hưng Đàng Trong để xin Thanh Triều phong vương, cho đúc Kim Bảo “大越國阮主永鎮之寶” (Đại Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo). Lại có dấu “協一主人” (Hiệp nhất chúa nhân), có cặp rồng cách điệu hình lá có đầu, sừng, thân, 4 chân và đuôi, thuộc thời cuối Lê đầu Nguyễn.



Dấu Đại việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo

Hình 50: Dấu Đại việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo “大越國阮主永鎮之寶”



Hình 51: Dấu Hiệp nhất chúa nhân “協一主人”

Thời chúa Nguyễn lại có đúc Kim Bảo “守信天下文武權行” (Thủ tín thiên hạ văn vũ quyền hành), có khả năng Nguyễn Vương Nguyễn Phúc Ánh từng sử dụng ấn này để tập hợp lực lượng trong những năm tháng chống Tây Sơn. Kim Bảo này có khắc cặp rồng cách điệu bằng lá với đầu, đuôi, sừng, thân, 4 chân, vi, râu.



Hình 52: Dấu Thủ tín thiên hạ văn vũ quyền hành “守信天下文武權行”

Lại có Ngự dụng chi ấn của vua Quang Trung với cặp rồng cách điệu hình lá, cũng có đầu, đuôi, sừng, thân, 4 chân nhưng đặc biệt sừng có nhánh



Hình 53: Ngự dụng chi ấn của vua Quang Trung có cặp rồng cách điệu

Thời Minh Mạng có cặp rồng tả thực, trang trọng và phức tạp hơn, bao quanh hai dấu của Kim Bảo “Minh Mệnh thần hàn” và “Thể thiên hành kiện”:



Hình 54: Dấu Minh Mệnh thần hàn 明命宸翰 xếp dưới dấu Thể thiên hành kiện 體天行健

Thời Thiệu Trị có Kim Bảo “Hoan phụng ngũ đại đồng đường nhất thống Thiệu Trị chi bảo” với cặp rồng tả thực, có áng mây:



Hình 55: Hoan phụng ngũ đại đồng đường nhất thống Thiệu Trị chi bảo

Thời vua Tự Đức lại có Kim Bảo “Tự Đức ngự lãm chi bảo” với cặp rồng tả thực khá rõ.



Hình 56: Tự Đức ngự lãm chi bảo 嗣德御覽之寶

Ấn triện do vua chúa đúc, thuộc về cung đình, là loại di vật hiếm nhưng những môtip rồng mà nghệ nhân khắc trên ấn góp phần trong việc nghiên cứu bổ sung đặc trưng môtip rồng Tây Sơn. Thật vậy môtip rồng Tây Sơn nghiêng về cách điệu lá, sừng có nhánh tức là gạc, kiểu “cù dầy”. Dân ca Nam Trung Bộ có câu: “Ai từng con cù nó mọc sừng/Hóa thành cái gạc vầy vùng mây mưa”. Cá sấu, tức cù, mọc sừng và khi sừng có nhánh thì hóa rồng đã trở thành “tâm thức” của nhân dân miền nam và nam trung bộ. Ở Bình Định có thắng tích nổi tiếng HẦM HỒ, có đoạn suối mà giữa dòng có khối đá trông như con cá sấu (xem hình 57).



Hình 57: Ở Hàm Hồ có một khối đá giống như cá sấu nằm ngay giữa lòng sông, chắn dòng nước chảy xiết làm bọt tung trắng xóa nên gọi là Hòn Trào

II. Cặp rồng ở bệ, đá tảng kê cột hay cấm cờ:

Nghiên cứu môtip rồng được khắc trên đá tảng, bệ đá cấm cột cờ, sập đá để đặt kiệu trong những ngày tế lễ, cột đá chống... nhằm bổ sung những đặc trưng của môtip rồng thời Tây Sơn. Có khi rồng cũng được chạm khắc trên cột chống hàng hiên như kiến trúc cung điện triều Nguyễn. Đặc biệt cột đá chùa Dạm có chạm khắc cặp rồng (thời Lý), dẫu các nhà nghiên cứu chưa thống nhất chức năng của cột đá nhưng đã thống nhất cặp rồng với thân tròn, không vẩy và uốn hình sin trên cột đá chùa Dạm là cặp rồng thời Lý.

Rõ ràng rồng thời Lý tạo tác trên đá thuộc dạng tả thực với thân tròn không vẩy, uốn lượn như rắn, theo nguyên tắc “tam ba cử chiết” (Lượn ba lần, cuộn chín khúc) (Các hình 58, 59, 60). Rồng đá thời Trần đã có khuynh hướng bớt tuân thủ nguyên tắc “tam ba cử chiết”, bớt cuộn hơn (hình 64). Rồng đá thời Hồ hoàn toàn kế thừa rồng thời Trần (hình 65). Rồng đá thời Lê Sơ vẫn có khuynh hướng rồng tả thực như rồng đá thời Trần, nhưng đến thời Hậu Lê thì rồng đá đã có vẩy rõ rệt, thân ngắn lại và không còn tuân thủ nguyên tắc “tam ba cử chiết”, thậm chí có xu hướng cách điệu hơn là tả thực (hình 66). Rồng khắc đá Tây Sơn nghiêng về cách điệu hơn, theo kiểu lá hóa (hình 71).



Hình 58: Mặt trước đôi rồng ở chùa Dạm, Kinh Bắc
(Ảnh của blog.360.yahoo)



Hình 59: Mặt sau của đôi rồng ở chùa Dạm, Kinh Bắc
(Ảnh của Chu Minh Khôi)



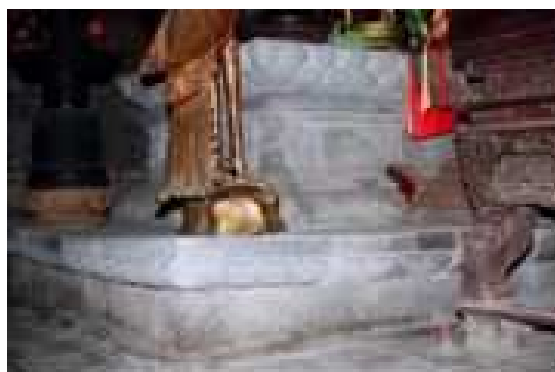
Hình 60: Bệ đá hình rồng cuộn thời nhà Lý (báo Người Hà Nội)



Hình 61: Đầu kê chân tảng thời Lý (ảnh của Võ Văn Tường)



Hình 62: Đầu kê chân tảng thời Lý chạm rồng và dàn nhạc bát âm (ảnh của Võ Văn Tường)



Hình 63: Bệ đá thời Trần ở chùa Thầy (Tủ sách Khoa học VLOS)



Hình 64: Lan can đá chạm hình con sấu tại di tích lăng vua Trần Anh Tông, thôn Trại Lóc, xã An Sinh (Ảnh Nguyễn Trung Dũng)



Hình 65: Con rồng đá ở chính giữa thành, nơi có cung điện của Hồ Quý Ly xưa (vietdu forum)

Những con rồng đá thời Lý Trần và Hồ, thân dài tròn và thân dài uốn lượn hình sin, không có vảy.



Hình 66: Cặp rồng đá thời Lê



Hình 67: Chiếc sập đá ở chùa Bối Khê, có từ thời Mạc (viet bao)



Hình 68: Phù điêu đá ở chùa Tháp Bút có cặp rồng (thời Lê) (Ảnh Võ Văn Tường)



Hình 69: “Ông rồng đá” phát hiện ở thôn Bảo Tháp (Bắc Ninh), có khả năng tạo tác vào thời Lê để hoài tưởng nỗi “oan khiên” của Lê Văn Thịnh thời Lý Nhân Tôn. (Ảnh Baomoi.com)

Tảng đá cắm cột cờ phát hiện ở “Đàn Phương Trạch” của Tây Sơn, trên đồi Hà Khê (hiện nay thành hậu viên của chùa Thiên Mụ), với 4 mặt bên được chạm 4 bức phù điêu giống nhau. Mỗi bức là cặp rồng châu chữ thọ, thuộc loại rồng lá hóa, có đầu, có gạc (tức sừng có nhánh), có 4 chân, có đuôi chẻ thành hai nhánh quay về hai phía. Môtip rồng thời Tây Sơn có đặc trưng là cách điệu chân, gạc, lông, vì của rồng bằng một nét lớn lại có hai nét nhỏ đi kèm. Nghệ nhân cũng cố ý biểu đạt con số 3 một cách nghiêm ngặt. Tai, gạc, râu, vì, hai chân sau, đuôi đều 3 vân. Chỉ hai chân trước có 4 vân và một vân cuộn, biểu đạt rồng 5 móng (hình 71).



Hình 70: Tảng đá lớn có lỗ cắm cờ, 4 mặt bên có 4 phù điêu, khắc cặp rồng vờn chữ thọ. Tảng đá này phát hiện ở Đàn Phương Trạch Tây Sơn.



Hình 71: Cặp rồng trên mỗi phù điêu ở mặt bên của tảng đá cắm cột cờ được tìm thấy ở “Đàn Phương Trạch” của Tây Sơn ở Huế.



Hình 72: Rồng ở bờ nóc điện Thái Hòa của triều Nguyễn.

III. Con rồng đơn trên những sắc phong thời Tây Sơn

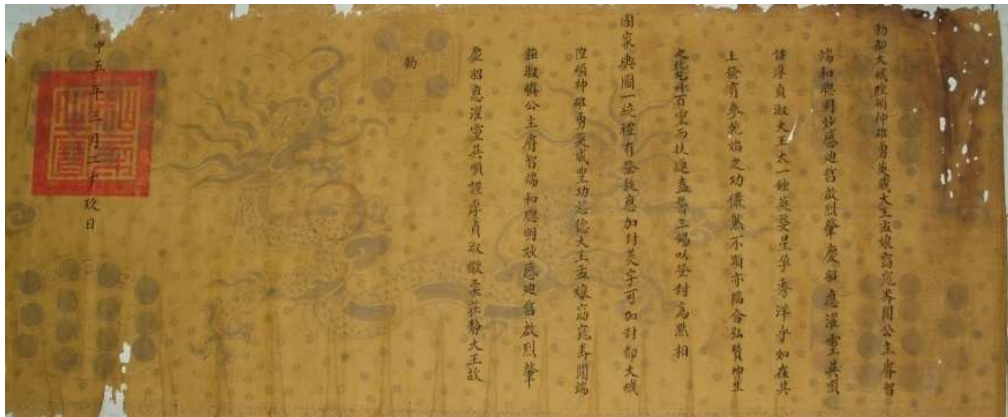
Sắc phong là cổ vật rất quý hiếm, là nguồn tư liệu lịch sử có giá trị trên nhiều mặt. Có hai loại sắc phong: sắc phong tước và sắc phong thần, do nhà vua các triều đại phong tặng cho các quan lại, quý tộc, các người có công... và các vị thần. Sắc phong được viết trên những giấy sắc đặc biệt, do các nghệ nhân giỏi thuộc các làng nghề truyền thống làm ra. Trên nền giấy sắc có vẽ hoặc in các hình long phụng, có các ấn triện...

Ở đây chúng tôi chỉ khai thác những đặc trưng của môtip rồng thời Tây Sơn thông qua con rồng đơn được nghệ nhân vẽ trên giấy sắc mà thôi.

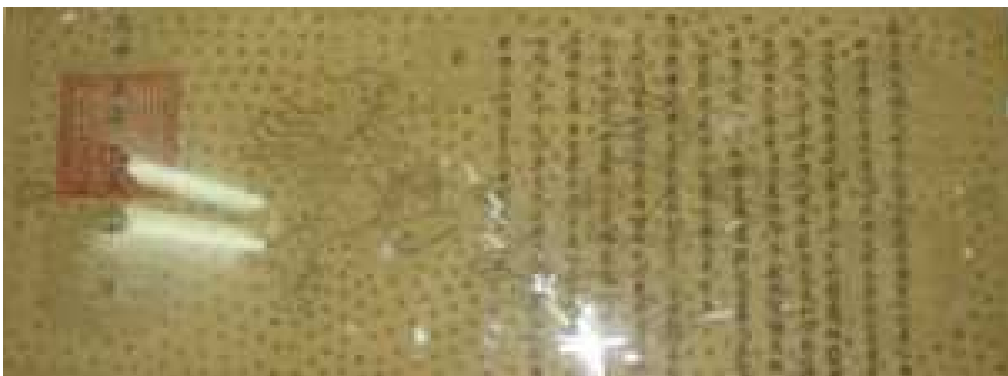
Sắc phong thời Tây Sơn do các triều Quang Trung, Cảnh Thịnh còn lại rất hiếm. Riêng sắc phong triều Quang Trung được sưu tập và đã công bố chưa được 10 tờ. Ở Huế có nhà sưu tập cổ vật **Lê Thiện Gia** đang lưu giữ 2 tờ và anh đã cho phép chúng tôi chụp ảnh hai tờ sắc phong này. Ngoài ra chúng tôi trích dẫn hình ảnh một số sắc phong Quang Trung, Cảnh Thịnh khác để làm tư liệu nghiên cứu.



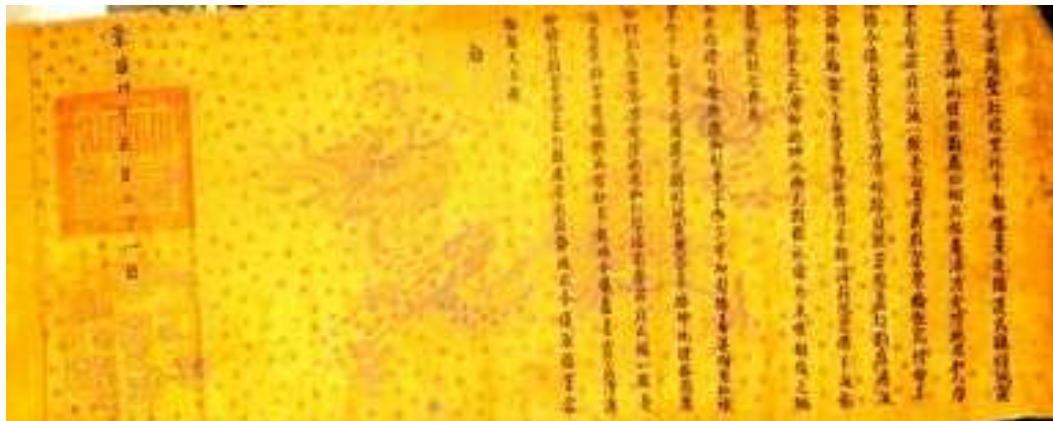
Hình 73: Sắc phong “Quang Trung ngũ niên thất nguyệt...”
(Ảnh bảo tàng Bình Định)



Hình 74: Sắc phong “ Quang Trung ngũ niên tam nguyệt...”
(Lê Thiện Gia cung cấp)



Hình75: Sắc phong “ Quang Trung ngũ niên thất nguyệt...”
(Lê Thiện Gia cung cấp)



Hình76: Sắc phong Vua bà Đào Thánh Hồng Nương Lê Thị Yến
(Cảnh Thịnh tứ niên ngũ nguyệt thập nhị nhật [1796]) (Hoàng Phương Thảo cung cấp)



Hình 77: Sắc phong thời Cảnh Thịnh



Hình 78: Sắc phong thời Cảnh Thịnh (battrang info)



Hình 79: Sắc phong thời Gia Long (Lê Thiện Gia cung cấp)

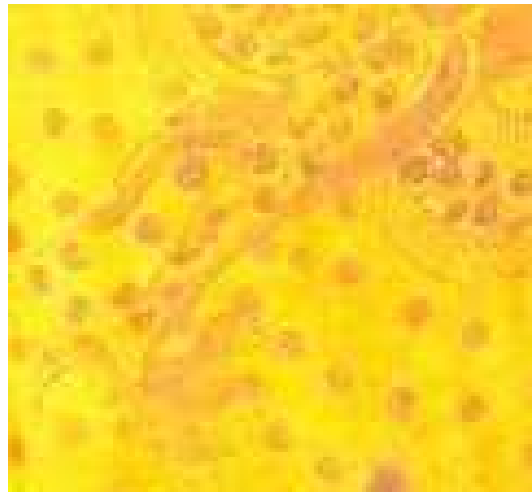


Hình 80: Sắc phong thời Minh Mạng

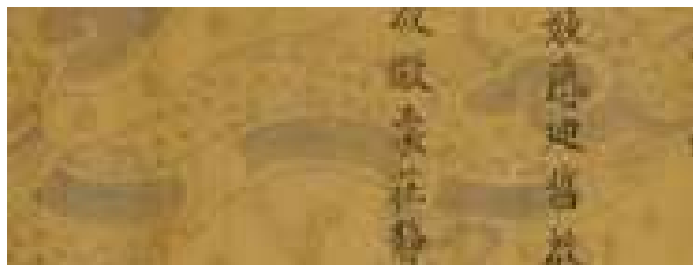
Nghiên cứu con rồng đơn trên những tờ sắc phong Quang Trung, Cảnh Thịnh và những tờ sắc phong thời Lê, thời Nguyễn chúng tôi có những nhận xét bước đầu:

Con rồng được vẽ trên sắc phong Tây Sơn có đầu với mồm, miệng, cằm, bờm, ria, răng nanh, thân, chân ngắn có 5 móng, đuôi xoáy tròn có lông tua đại thể như những con rồng thời Lê và thời Nguyễn. So sánh rồng đơn Tây Sơn với các rồng đơn của thời Lê, thời Nguyễn về vây, khoan bụng, nhúm lông ở khuỷu chân thì phát hiện một số điểm đặc trưng của môtip rồng Tây Sơn:

- Kiểu thức vẽ vây, vây trên thân rồng không phải răng cưa nhọn, một lớn, hai ba nhỏ, ở giữa răng cưa có sóng, xu hướng bỏ về phía sau so với hướng rồng vươn ra trước. Vây ở đây hình parabol, cứ một parabol cao thì có 3 parabol nhỏ... cứ thế tuần hoàn trên lưng rồng kiểu 1-3-1-3... một cách nghiêm ngặt không tùy hứng.
- Đặc biệt lông ở cằm, chân rồng cũng được vẽ không tùy hứng mà theo kiểu thức: cứ một lông dài uốn chữ S thì có hai lông ngắn e áp sát nhau ở chân lông lớn. Ở khuỷu chân có lông như cờ đuôi nheo của môtip rồng thời Tây Sơn, khác môtip rồng thời Lê hay Nguyễn ở khuỷu chân có vây răng cưa chứ không phải lông.



Hình 81: Lông ở khuỷu chân của rồng được vẽ trên sắc phong của triều Tây Sơn



Hình 82: Bụng rồng vẽ trên sắc phong Tây Sơn có các khoang, ngăn cách nhau bởi 3 khuyên.

Nghiên cứu các sắc phong thời Lê, thời Mạc, thời Nguyễn thì thấy bụng rồng không có các khoang được phân cách bởi 3 khuyên như rồng trên sắc phong Tây Sơn. Đây là một đặc trưng để phân biệt môtip rồng thời Tây Sơn với rồng thời Lê hay thời Nguyễn.

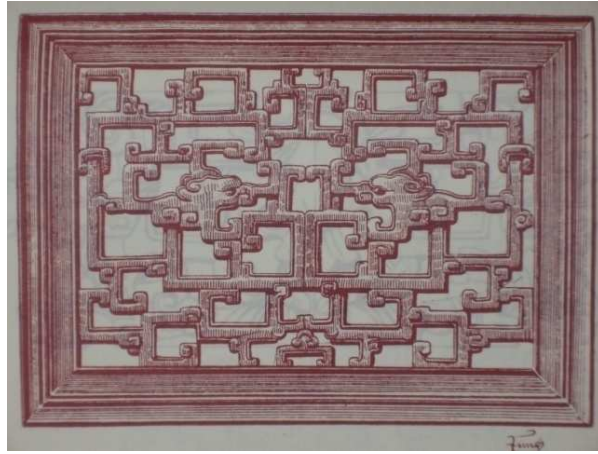
IV. Hồi văn hóa long

Trong bài “Các môtip mỹ thuật An nam” Cadriere từng viết: **“Thành ngữ Hán Việt để chỉ mẫu trang trí này là hồi văn tức là những “nét nhỏ quay trở lui” trên chính nó, gấp xếp lại, kéo dài ra, thon mình lại, tùy theo cảm hứng của nghệ nhân.”** Chúng tôi quan tâm loại “hồi văn hóa long” của mỹ thuật thời hậu Lê, khi vua Lê không còn thực quyền, đất nước bị chia cắt và quyền lực bị chúa Trịnh ở Đàng Ngoài và chúa Nguyễn ở Đàng Trong thu tóm. **Diễn đàn du lịch**, có bài **“Con rồng Việt Nam qua các triều đại phong kiến”** có đoạn: **“Rồng thế kỷ 18. Thời kỳ này triều Lê suy yếu, những con rồng chính thống suy tàn hẳn mà thay vào đó là một hệ thống hình ảnh được cấu thành từ một vật như đám mây, cây trúc, cành mai hoặc cá chép... để mô tả hình tượng rồng chính thống người ta gọi là hóa long”**. Hồi văn hóa long, có khi gọi hồi văn giao long thời hậu Lê và thời Tây Sơn là một ẩn chứng của đế quyền của họ Lê suy tàn. Các nghệ nhân thể hiện môtip rồng có xu hướng cách điệu một cách phóng khoáng, đưa con rồng rời cung đình để hội nhập dân gian. Tiến sĩ **Đinh Khắc Thuân** rút ra một vài nét giao long kiểu thức hóa khi nghiên cứu chuông, bia thời Tây Sơn, khi viết: **“Trước hết nói về hình rồng. Rồng trên bia Tây Sơn được thể hiện với hai dạng chính: cách điệu và tả thực. Trong đó cách điệu là phổ biến, gồm cách điệu lá và cách điệu mây”**. Thực ra hình rồng cách điệu này xuất hiện ở cuối Lê đầu Nguyễn, không chỉ Tây Sơn và làm thế nào để phân biệt rồng cách điệu Tây Sơn với rồng thời chúa Nguyễn?. Tiến sĩ **Đinh Khắc Thuân** có nhận định: **“Hình rồng cách điệu này đã xuất hiện ở giai đoạn cuối Lê; và tồn tại ở một số loại bia thời Nguyễn. Tuy nhiên trên bia Tây Sơn, hình rồng cách điệu thường giản đơn, không rối rắm”**. Và tiến sĩ cũng chỉ ra được một đặc trưng của môtip rồng Tây Sơn cách điệu khi ông viết: **“Các chi tiết phụ của rồng như mào, chân, đuôi được cách điệu bởi những ngọn lá hoặc những áng mây. Đuôi rồng thường là một tàu lá chẻ đôi uốn cong về hai phía.”**

Nhà nghiên cứu Trần Phong Lưu lại có nhận xét:

“Thêm một cách xử dụng tượng ý hình Rồng mà không lo phạm phép vua là hình thức “Hóa Long” với thiên hình vạn trạng, từ những song cửa chạm hồi văn hóa long, những khung rèm gỗ chạm lồng những dây hoa lá hóa long, những bức liên đăng khắc hình vàng mây hóa rồng, những tấm hoành tánnhững trướng khảm hình cúc, mẫu đơn và cả Phật thủ hóa long, những bức phù điêu chạm troổ tượng ý mai, tùng hóa long cho đến những cột trúc hóa long, những bụi kiểng “song long””.

Hình rồng cách điệu cuối Lê đầu Nguyễn (có thời Tây Sơn), theo nhận định của **Đinh Khắc Thuân** và **Trần Phong Lưu**, cũng có thể tìm thấy trong cuốn **Mỹ Thuật Huế (L’art de Hue)**. Hình 83 (Ảnh XXXIII) dưới đây vẽ lai mặt vòng, được chạm lồng trên gỗ, gồm hai giao long hay cù mới mọc sừng, đang châu chữ thọ kiểu thức hóa.



Hình 83: Ảnh XXXIII trong L'art de Hue (không giám định niên đại)

Hồi văn hóa long diễn tả hai con giao long đang châu chữ thọ đơn giản hơn như hình 83:

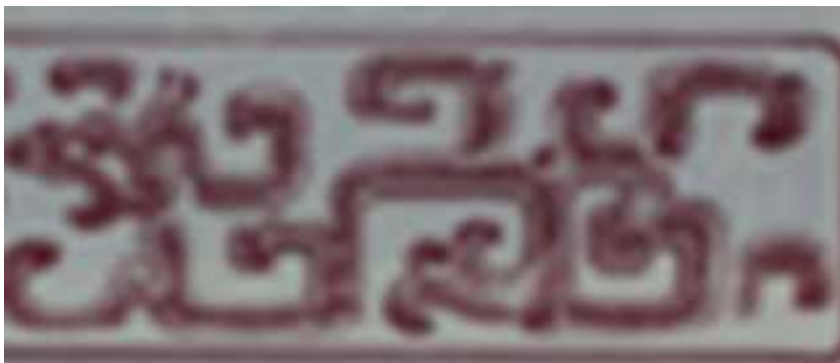


Hình 84: Cặp rồng kiểu hồi văn hóa long đang châu chữ thọ cũng được lá hóa trong L'art de Hue.

Con rồng đơn lá hóa nhờ những hồi văn như hình 85, 86:



Hình 85: Hồi văn hóa long với con rồng đơn có sừng, thân, 4 chân và đuôi.



Hình 86: Hồi văn hóa long với con rồng đơn được vẽ trong L'art de Hue.



Hình 87: Hồi văn hóa long với con rồng đơn lá hóa được vẽ trong L'art de Hue

Do Cadriere không ghi chú niên đại nhưng có thể họa sĩ đã vẽ từ một di vật bằng gỗ ở Huế, thuộc thời cuối Lê đầu Nguyễn.

Tuy nhiên những môtip rồng lá hóa sau đây thuộc về thời Tây Sơn.



Hình 88: Rồng lá hóa trên phù điêu ở mặt bên của tảng đá cặp cột cờ tìm thấy ở “Đàn Phương Trạch” của Tây Sơn ở Huế.

Con rồng lá Tây Sơn được thể hiện khá rõ trên thân thạp đồng đúc vào năm Cảnh Thịnh thứ 8 (1800). Nghệ nhân rồng cách điệu với đầu có gạc với 3 ngọn lá, hai chân trước là hai ngọn lá 5 khía (chân rồng 5 móng), hai chân sau là hai ngọn lá, mỗi ngọn 3 khía và đuôi là ngọn lá chẻ hai (Hình 69, hình 70).



Hình 89: Thạp đồng làm vào năm 1800 (năm thứ 8 niên hiệu Cảnh Thịnh (nguồn Wikipedia))



Hình 90: Rồng lá hóa trên thạp đồng Cảnh Thịnh (đúc năm 1800)

Trên mặt đồng tiền Cảnh Thịnh, có rồng cách điệu kiểu lá hóa, trong đó trán rồng, gạc rồng, má rồng, bờm rồng ...đều được vẽ thành lá 3 khía (hình72).



Hình 91: Đầu rồng có gạc, trán, bờm, má tai... đều lá hóa bằng ngọn lá ba chạc trên đồng tiền Cảnh Thịnh.

Các nghệ nhân thời Tây Sơn, thuộc về thời cuối Lê đầu Nguyễn, đã tạo tác “hội văn hóa long” theo lối cách điệu hơn là tả thực, nhưng đã cố ý biểu đạt con số 3 và con số 5 rất tinh tế.

V. Mặt nả hoặc lá lật

Con rồng đơn còn được thể hiện dưới dạng rồng chính diện gọi là “mặt rồng” hoặc “mặt nả” hoặc “lá lật”... Mặt rồng không chỉ là cái mặt có cặp mắt, cặp tai, mũi, miệng, râu, ria, răng mà còn có đủ 2 chân, hai sừng. Miệng mặt nả ngậm viên ngọc hoặc ngậm chữ thọ, trán có chữ vương hoặc nhân... Chân có vây, khuỷu chân có nhúm lông. Ngoài ra có mây, lửa kiểu thức hóa được bố trí đăng đối ở trên dưới hoặc hai bên mặt nả. Mặt nả có thể vẽ bằng sơn màu sắc sỡ, hoặc chạm nổi có cấn xà cừ, hoặc khắc bia... Trong L’art de Hue họa sĩ Nguyễn Thứ có vẽ lại một mặt nả như Hình 92:



Hình 92: Mặt nả có chân, sừng, râu của rồng trong L’art de Hue

Lại có một mặt nả ở một công trình kiến trúc cung điện trong Đại Nội Huế, tạo tác bằng sành, sứ. Nhúm lông ở khuỷu chân gồm 5 sợi chứ không phải nhúm lông 3 sợi như ở mô típ rồng thời Tây Sơn.



Hình 93: Mặt nả ở một công trình kiến trúc cung điện của triều Nguyễn.

Ở trán bia của Quốc tử giám triều Nguyễn có chạm một mặt nả hay mặt rồng trông uy nghi, dữ tợn. Và mặt nả chạm trên đá này vừa tả thực với hai chân rồng vừa cách điệu theo lối lá hóa. Hai tai rồng như hai ngọn lá có 5 khía chứ không phải 3 khía.



Hình 94: Trán bia ở Quốc Tử giám triều Nguyễn có chạm một mặt nà hình rồng.

Ở lăng Khải Định có tạo tác nhiều mặt nà, trong đó có mặt nà rất đẹp ở cửa chính:



Hình 95: Mặt nà ở cổng lăng Khải Định

Cũng như cặp rồng, rồng đơn nhìn trác diện, mặt rồng nhìn chính diện cũng được thể hiện dưới dạng kiểu thức hóa, đôi khi những bộ phận của mặt nà đã chuyển thành dây có hoa, lá, búp hoa hay đóa hoa như hình dưới đây:



Hình 96: Mặt nà lá hóa được vẽ lại trong L'art de Hue.

Tất nhiên có khi không những cách điệu thành hoa lá mà còn đơn giản hóa nữa.



Hình 97: Mặt nà cách điệu bằng lá hóa và đơn giản hóa trong L'art de Hue



Hình 98: Mặt nả cách điệu hóa và đơn giản hóa được vẽ lại trong L’art de Hue

Mặt nả hay mặt rồng cách điệu hóa và đơn giản hóa này cũng thuộc rồng ngậm chữ thọ rất tinh tế. So sánh con rồng “lá hóa” ở mặt nả này với con rồng “lá hóa” ở mặt bên của khối đá cắm cột cờ đàn phượng trạch Tây Sơn ở Huế (hậu viên chùa Thiên Mụ) thì thấy có sự tương đồng trong cách thể hiện “lá hóa” cũng như sự biểu đạt con số 3 và con số 5 như đã nói ở trên. Rất tiếc Cadiere trong L’art de Hue không ghi chú hình vẽ này được vẽ lại từ cổ vật thuộc thời nào nhưng chúng ta có thể đoán định phong cách này thuộc về thời hậu Lê vậy. Phù điêu mặt bên của khối đá cắm cột cờ Tây Sơn có cặp rồng lá, có kiểu cách điệu giống như cặp rồng lá hóa được khắc ở “Ngự Dụng Chi Ấn” của vua Quang Trung. Từ đó có thể đoán định một mặt nả lá hóa và đơn giản hóa của môtip rồng thời Tây Sơn.

VI. Rồng chạm trên gỗ

Trên mặt bia, quai chuông, trên giấy sặc, trên đá chúng ta đã thấy được rồng tả thực hay cách điệu qua các thời Lý, Trần, Lê sơ, Lê mạt, Tây Sơn, Nguyễn có điểm khác nhau. Thế thì rồng được chạm khắc trên gỗ như ở lá cửa, xà nách, đầu hồi ở đình, chùa...vẫn tuân thủ những qui luật nêu trên.

Trên hai lá cửa của chùa Phổ Minh (Tức Mặc, Nam Định) có chạm rồng thời Lý-Trần khá rõ, với thân tròn như rắn, không có vảy, uốn lượn theo qui tắc “tam ba cửu chiết” (Hình 99):



Hình 99: Cửa thời Trần (tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam - Hà Nội).

Nhưng qua thời Lê trung hưng, rồng chạm gỗ có dáng vẻ dữ, có vẩy, vi và hơi rối rắm (hình 100):



Hình 100: Cửa chùa Keo có chạm rồng (thời Lê) (nguồn photo.tamtay.vn.).

Đến thời cuối Lê thì uy quyền vua Lê không còn uyệt đối như xưa, con rồng nghiêng về cách điệu khi chạm khắc trên gỗ, như ở xà nách (Hình 101):



Hình 101: Rồng cách điệu được chạm trên gỗ ở chùa Keo vào thời hậu Lê.

Và nhà Mạc tiếm ngôi, khi nhà Lê trung hưng thì gặp nạn Trịnh Nguyễn phân tranh, nghệ nhân đã cho con rồng nằm (Hình 102), hoặc dân gian hóa con rồng khi cho thần tiên hoặc người cưỡi rồng (các hình 103, 104):



Hình 102: Điều khắc gỗ tại đình Phù Lưu - Bắc Ninh (Ảnh: dantiengtrung)



Hình 103: Tiên cười rờng *Điêu khắc gỗ tại đình Hà Hiệp - Hà Tây* (Diendan.teentvo.com.)



Hình 104: Người cười rờng *Điêu khắc gỗ tại đình Hà Hiệp - Hà Tây* (Diendan.teentvo.com.)

Thời Tây Sơn chùa Tây Phương đã được đại trùng tu theo kiến trúc mới. Hình 105 cho thấy một mặt nả ở đầu hồi, thuộc loại mặt rờng lá hóa, ấy là phong cách Tây Sơn:



Hình 105: Mặt nả lá hóa, mang phong cách mỹ thuật thời Tây Sơn (ở chùa Tây Phương)

Hoặc con rờng chạm ở xà cửa chùa Kim Liên thì nửa tả thực nửa cách điệu kiểu lá hóa (Hình 106):



Hình 106: Chạm khắc ở chùa Kim Liên với rồng lá hóa (Đông tac net)

Sang thời vua Nguyễn, con rồng được chạm khắc trên gỗ lại dữ tợn, uy nghi và rối rắm cùng với các vật linh khác (Hình 107):



Hình 107: Những nét chạm khắc tinh xảo trên vì kèo mang phong cách mỹ thuật thời Nguyễn (chùa ba danh, www.hanam.gov.vn.)

VII. Con số 3 thường gặp ở mỹ thuật kiến trúc thời Tây Sơn

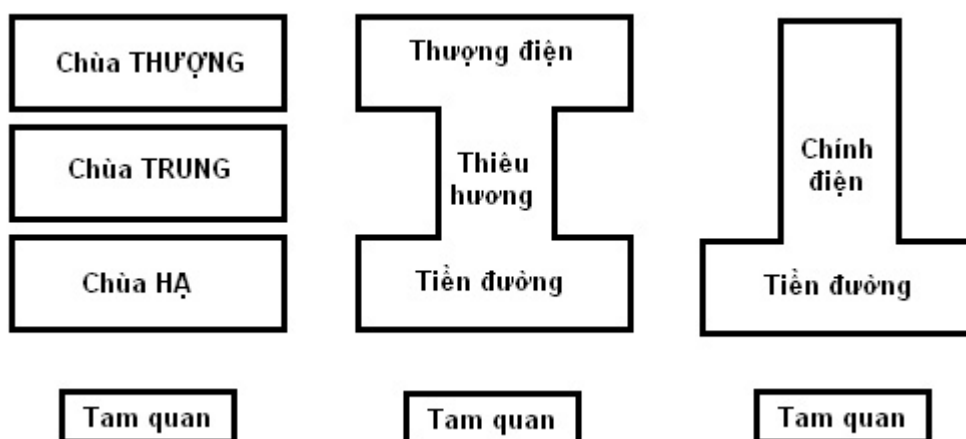
Qua nghiên cứu các mục trên có thể thấy các nghệ nhân thời Tây Sơn khi tạo tác môtip rồng thường có ý biểu đạt con số 3. Tại sao?

Chúng tôi thấy rằng con số 3 được thời Tây Sơn coi trọng vì 3 vạch là tượng quẻ càn (trời, tam tài) mà cũng ẩn ý chỉ “Tây Sơn tam kiệt”; bằng chứng khi xây dựng GÒ VIÊN KHÂU ở núi Bân để TẾ TRỜI vào ngày ĐÔNG CHÍ gồm 3 tầng tròn.



Hình 108: Gò Viên Khâu ở trên Bân Sơn cũng có 3 tầng tròn.

Chùa cổ ở Bắc thường được xây dựng theo hình chữ **công**, chữ **đỉnh**, hoặc **trong công ngoài quốc**. Khi Tây Sơn ra Bắc tôn tạo các ngôi chùa lại xây theo hình chữ **tam**. Hình **chữ Tam** gồm 3 tòa ngang, từ cửa vào lần lượt là chùa Hạ, Trung, Thượng. Chùa chữ tam hiện nay còn không nhiều. Tiêu biểu là chùa Tây Phương ở Hà Tây, chùa Kim Liên ở Hà Nội. Các chùa này là chùa cổ, nhưng đã đại trùng tu vào thời Tây Sơn theo kiểu chữ tam.



Hình 109: Chùa thời Tây Sơn

(Kiểu chữ tam)

Chùa thời Lý Trần

(Kiểu chữ công)

(Kiểu chữ đỉnh)

Vietnamtourist từng giới thiệu: “**Chùa Tây Phương tên chữ là Sùng Phúc nằm trên một ngọn núi Câu Lô cao khoảng 50 mét thuộc địa phận thôn Yên, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất tỉnh Hà Tây, cách Hà Nội 37 km (đi theo đường Hà Nội- Sơn Tây).**

Chùa được lập khoảng thế kỷ VI-VII nhưng đã nhiều lần trùng tu. Năm 1632 chùa được sửa sang dựng thượng điện ba gian, hậu cung và hai mươi gian hành lang. Năm 1636 được tạc tượng và đúc chuông. Thời Tây Sơn (1794) chùa được làm lại hoàn toàn...Chùa được xây theo kiểu chữ tam độc đáo gồm 3 nếp, nhà bái đường, chính điện và hậu cung.”



Hình 110: Chùa Tây Phương tôn tạo thời Tây sơn kiểu chữ tam



Hình 111: Các vật linh trên tàu đao có đuôi, bờm, sừng được thể hiện con số 3 rất rõ ở chùa Tây Phương.

Hoặc:

“Chùa Kim Liên là ngôi chùa nổi tiếng từ xưa... Chùa nằm ở phía đông bắc Hồ Tây, thuộc làng Nghi Tàm, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội. Năm 1792, đời vua Quang Trung, chùa được được tu bổ lại, về diện mạo cơ bản giống như hiện nay. Chùa hình chữ "tam" gồm ba nếp nhà song song với nhau, tường gạch bao quanh tới tận rìa mái”



Hình 112: Chùa Kim Liên tôn tạo thời Tây Sơn theo kiểu chữ tam.

Trong kiến trúc lăng mộ của thân nhân nhà Tây Sơn cũng thể hiện con số 3 khi xây dựng uynh thành. Trong bài viết của nhà nghiên cứu Huỳnh Văn Mỹ về ngôi mộ của ông nội của vua Tây Sơn, trong phần khảo tả kiểu thức uynh thành nhà nghiên cứu viết:

“Như thế ngôi mộ kích thước khoảng 14x17m nhưng có 3 uynh thành, uynh trong, uynh giữa, uynh bao”. Lại con số 3!

Ngay trên thân chuông thời Cảnh Thịnh con số 3 cũng thường thể hiện trên các gờ dọc và ngang để chia thân chuông thành các ô học cũng có 3 gờ vậy, khác với các chuông thời Lê.

Theo **website nld** tại xã Axan, huyện vùng cao biên giới Tây Giang, thuộc tỉnh Quảng Nam, người dân địa phương vừa tìm thấy 2 chiếc trống đồng. Có giả thiết đây là những chiếc trống đồng do quân Tây Sơn mang từ kinh thành Huế lên ẩn náu tại khu vực vùng cao đại ngàn của huyện Tây Giang.



Hình 113: Chuông đồng phát hiện ở xã Ấn, huyện Tây Giang, Quảng Nam, có giả thiết cho rằng trống này của Tây sơn.

Nếu trống đồng này đúc thời Tây Sơn thì ở thân trống có 3 khoang và mặt trống cũng có ba tầng. Tất nhiên nhận định này chỉ có tính minh họa.

Một nguyên tắc trong mỹ thuật thời Tây Sơn là nghệ nhân vẽ hay khắc rồng lá thường tạo nét dài, to tượng dương và hai vạch nhỏ e áp tượng âm để biểu đạt **lông rồng ở khuỷu chân rồng, râu rồng, gạc rồng, chân rồng..., đồng thời thể hiện con số 3 của quả càn**. Và con rồng Tây Sơn không những đã kế thừa con rồng truyền thống Lý, Trần, Lê mà còn có dấu ấn dịch lý qua việc thể hiện con số 1, số 3, âm, dương một cách chặt chẽ ở vi rồng, lông rồng. Quan sát bụng rồng do nghệ nhân vẽ trên sắc phong thời Lê hay thời Nguyễn thì thấy các khoang giới hạn bởi một nét đơn, gần như cách đều nhau. Trong khi con rồng trên sắc phong thời Cảnh Thịnh các khoang được chia rõ ràng bằng 3 khuyên 4 nét sát nhau, mỗi khoang khá dài.

C. Việc giám định các mô típ giao long - rồng ở Lăng ba vành

I. Giám định mô típ rồng ở lăng Ba Vành

Trong phần trên, chúng tôi đã trình bày mô típ rồng thời Tây Sơn nghiêng về cách điệu, kiểu “hội văn hóa long”. Giao long cách điệu thời Tây Sơn vẫn đơn giản hơn giao long cách điệu thời cuối Lê đầu Nguyễn. Đặc biệt chân rồng khuỷu chân bẻ góc thước thợ, vuông vắn để tạo dáng rồng đường bệ, vững chắc. Con số 3 (quả càn) thường được

thể hiện qua lông, vi, ngắn chia khoang bụng, chân, gạc, đuôi. Nghệ nhân thể hiện âm dương của dịch lý đông phương bằng nét to khỏe (vạch liền tượng dương -) và hai nét đứt, e ấp (vạch đứt tượng âm - -).

Với những tiêu chí đã xác lập được về rồng, cù mọc sừng (tức cù dầy), giao long kiểu hồi văn hóa long của thời Tây Sơn, chúng tôi giám định môtip trang trí ở lăng Ba Vành.

Trên 3 uynh thành của lăng, xét từ trong ra, theo hướng đường thần đạo của lăng đông-nam tây-bắc, nghiêng bắc 30^0 (tức tọa khôn hướng cần):

1. Uynh thành trong có 3 rồng

Uynh thành trong cùng được tạo tác thành hai con cù dầy, tức 2 con giao long. Khóa đuôi hai con cù dầy này là một mặt nả (hay mặt rồng) kiểu thức hóa. Người thiết kế mặt nả đã đơn giản hóa, cách điệu hóa mặt nả bằng cái trán rồng với hai chân trước dang rộng... Mỗi chân gồm dải lớn và có hai dải nhỏ. Hai chân đối xứng nhau qua đường thần đạo. Đây là con **giao long thứ nhất**, trông như con cá sấu có sừng, đang bò ngẩng đầu hay đang nhô lên khỏi mặt nước vậy.



Hình 114: Mặt nả ở lăng Ba Vành, mặt của cù (rồng con). (đánh số (1) trên hình 117).



Hình 115: Mặt nả (giao long (1)) khóa hai đuôi của hai nửa uynh thành trong.

Hai con giao long với hai đầu to, mỏm dài, một chân bẻ góc thước thợ ở khuỷu để làm nữ tường. Một cái gác mọc ra từ phía sau đầu, được cách điệu hóa kiểu sừng lớn uốn cong, với hai nhánh nhỏ mới nhú e ấp. Hai con cù dật này trong tư thế nằm bảo vệ nắm mộ mai rùa, bên dưới có huyết mộ của chủ nhân. Những chân còn lại đã cách điệu thành “hồi văn” biểu trưng chân, đuôi theo cách đã nói ở trên.



Hình116: Con giao long (2) (cù dật) có khuyết chân vuông, làm nữ tường.



Hình 117: Con giao long (3) (đã bị hỏng cái mỏm), có khuyết chân vuông, làm nữ tường.

Như thế uyng thành trong đã bố trí 3 giao long và cả ba giao long đều hướng vào nắm mộ.



Hình 118: Trên mặt uynh thành trong có đắp nổi hình cái gạc cách điệu, và chân giao long cách điệu bằng hòi văn.

2. Uynh thành thứ 2 ở giữa có 4 rồng

Uynh thành thứ hai được đắp thành hình chữ ô-mê-ga (Ω) hay vòng kiền, với hai đầu uynh có đắp nổi 4 bức phù điêu, mỗi đầu hai bức, ốp vào hai má của đầu uynh. Mỗi phù điêu có một con giao long cách điệu theo lối “hội văn hóa long”. Mỗi con giao long này đã bay lên, hướng vào nắm mộ một cách đường bệ. Mỗi giao long có một đầu, một mỏm, một gạc, một tai, 4 chân có khuỷu vuông, một cái đuôi đã cách điệu thành hòi văn, gồm một dải to và dày, e áp hai dải nhỏ.



Hình 119: Phù điêu I có hòi văn hóa long (giao long (4))



Hình 120: Phù điêu II có hoi văn hóa long (giao long (5))



Hình 121: Phù điêu III có hoi văn hóa long (giao long(6))



Hình122: Phù điêu IV có hoi văn hóa long (giao long (7))



Hình 123: Tái cấu trúc một trong bốn phù điêu đã bị hỏng một phần, trong phù điêu rõ ràng nghệ nhân thể hiện một con rồng cách điệu và thể hiện con số 3 rất rõ.

Bốn giao long trên 4 phù điêu đã cách điệu cao, rất đẹp và đầy cả dấu ấn dịch lý đông phương, âm dương, trực phương rất rõ. Đặc biệt đầu, gạc, chân đã biến thành hồi văn, đồng thời nghệ nhân cũng thể hiện con số 3 rất tinh tế. Tất nhiên phù điêu dạng này khó tìm thấy ở mỹ thuật thời chúa Nguyễn và thời vua Nguyễn. Giao long này có đủ những đặc trưng của môtip rồng thời Tây Sơn.



Hình 124: Giao long (3) nằm với chân, gạc khá rõ



Hình 125: Mắt giao long (3) có một mí dày, e ấp hai mí lặn

Như thế đã có 7 rồng ở hai uynh vừa nêu, chúng đều hướng vào nắm mộ.

3. Uynh thành thứ ba có hai rồng

Uynh thành này là thành ngoài, được xây bằng đá, chừa mặt, không tô, trét mạch nhô ra thành gờ để mỗi viên đá như một cái vẩy rồng. Khi sắp đá để xây thành, nghệ nhân cũng cho lượn sóng hình sin để thể hiện hai con rồng uốn lượn kiểu “tam ba cửu chiết”. Chúng tôi đã phát hiện thành ngoài này chấm dứt bằng cổng tam quan với 4 trụ cổng, hai trụ hai bên còn một phần, cách nhau 6m, hai trụ giữa đã mất chỉ còn phần móng, nên có thể suy đoán hai đầu rồng sẽ chầu mặt nguyệt hay mặt nhật, với đầu cổ tựa trên các trụ vừa nêu. Các trụ cổng là chân trước của rồng. Như thế thêm hai con rồng nữa là đủ 9 con giao long hay rồng. Người thiết kế và nghệ nhân thi công đã tạo đủ 9 con giao long (gồm rồng con và rồng), phát triển từ cá sấu sang cù, chuyển thành cù dẫy và hóa rồng bay trên mây.



Hình 126: Nửa uynh thành ngoài phía trái của lăng là con rồng (8)



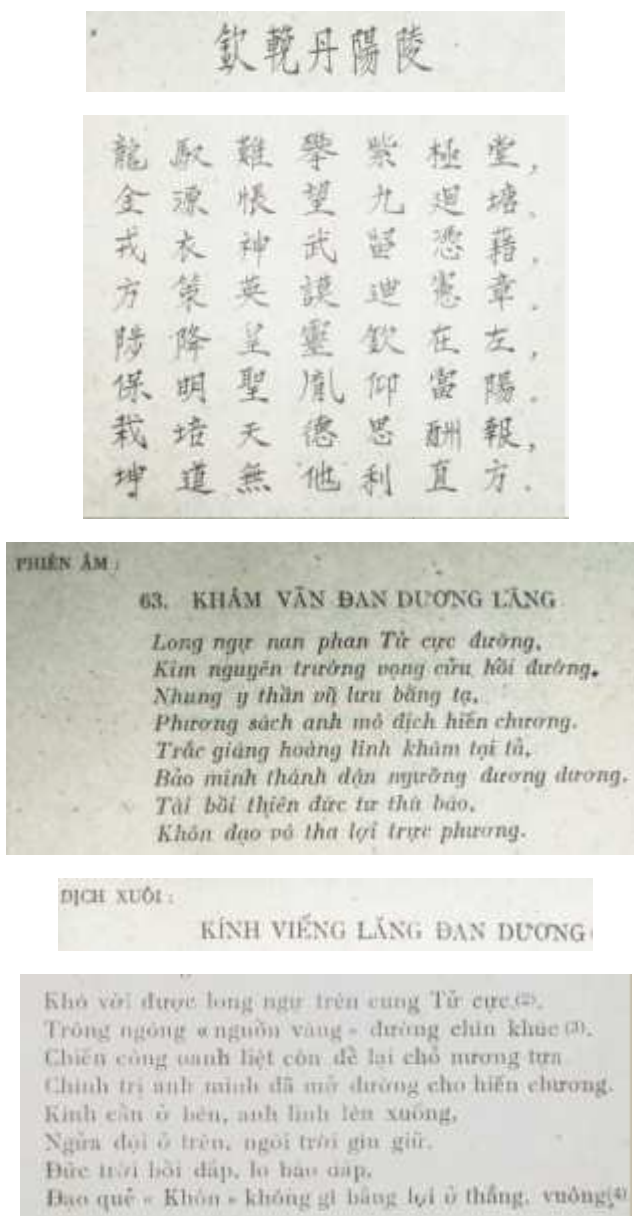
Hình 127: Nửa uynh thành ngoài phía phải của lăng là con rồng (9).

Lăng Ba Vành đã tạo tác với 9 con rồng, phát triển từ cù sang rồng. Đặc biệt mô típ rồng của lăng Ba Vành có đủ những đặc trưng của mô típ rồng cách điệu thời Tây Sơn.

Với những cơ sở này, chúng tôi củng cố giả thuyết **lăng Ba Vành là Đan Dương lăng của vua Quang Trung**.

II. Lăng Ba Vành phù hợp với bài thơ “Khâm văn Đan Dương lăng”

Lăng Ba Vành là lăng vua Quang Trung thì nó phải phù hợp với ý tả lăng trong bài thơ “Khâm văn Đan Dương lăng” của Ngô Thời Nhậm. Để tiện theo dõi, chúng tôi chụp ảnh và công bố bài thơ chữ Hán, phần phiên âm và dịch xuôi của Ngô Linh Ngọc từ Tuyển tập thơ văn của Ngô Thời Nhậm:



Hình 128: Ảnh chụp bài thơ Khâm văn Đan Dương Lăng, cùng phiên âm và dịch nghĩa.

Bài thơ “**Khâm văn Đan Dương Lăng**” của Ngô Thời Nhậm trong tập “**Cúc Hoa thi trận**” rõ ràng có ý tả lăng Đan Dương của vua Quang Trung. Thật vậy tập thơ này có nhiều bài thơ xướng họa của Ngô Thời Nhậm với Phan Huy Ích. Hai ông chọn hai chữ cuối đường (堂), đường (塘) của câu 1, câu 2 của thể thơ thất ngôn bát cú để xướng họa với nhau. Bài thơ “**Khâm văn Đan Dương lăng**” với nghĩa bóng ca ngợi tiên đế

Quang Trung, nói lên tâm nguyện của bề tôi là luôn luôn báo đáp tiên đế, và tác giả cố ý tả lăng Đan Dương cùng ý đồ thiết kế ngôi lăng. Có nhà nghiên cứu cho rằng bài thơ không có ý tả lăng, chỉ hoài niệm tiên đế Quang Trung mà thôi (?). Nói như thế thì đề bài thơ e phải sửa. Rành rành cụm từ **Đan Dương lăng** trong đề bài thơ, các cụm từ Tử cực đường, cửu hồi đường, nhưng y, hoàng linh, khâm tại tả, đương dương, trực phương... rõ ràng dùng để tả lăng cùng ý đồ thiết kế. Chúng tôi hoàn toàn nhất trí phần dịch xuôi của Ngô Linh Ngọc. Tuy nhiên, vì những bài thơ của Ngô Thời Nhậm trong Cúc Hoa Thi Trận, tác giả có những ẩn ý trong việc dụng từ và khi đã khẳng định lăng Ba Vành là Đan Dương lăng thì chúng tôi thử tìm ẩn ý của Ngô Thời Nhậm như sau:

Long ngự nan phan tử cực đường
Nhưng y thần vũ lưu bằng tạ
Kim nguyên trướng vọng **cửu hồi đường**
Phương sách anh mô địch hiến chương
Trắc giáng hoàng linh khâm tại tả
Bảo minh thánh dận ngưỡng đan dương
Tài bồi thiên đức tư thù báo
Khôn đạo vô tha lợi trực phương

Tử cực đường: ngôi lăng với 3 uynh thành (quẻ càn), tọa lạc trên ngọn đồi được tạo tác thành 3 tầng (quẻ càn); như thế ngôi lăng tượng quẻ càn kép (bát thuận càn), đúng là tử cực.

Cửu hồi đường, đường ở đây không phải chỉ đường đi mà chỉ bờ đê, uynh thành lăng mộ. Cửu hồi đường là uynh thành có 9 hồi văn. **Trướng vọng** là căng lên, dương lên mà nhìn. Như thế câu 2 của bài thơ có thể hiểu: Uynh thành ngôi lăng có 9 hồi văn (linh thú) như dương lên mà nhìn vào huyết mộ.

Nhưng y thần vũ: Áo bào, mũ miện của vua Quang Trung.

Lưu bằng tạ, với tạ là chiếu, thảm mà cũng có nghĩa là nằm. Như thế áo bào, mũ miện của nhà vua được giữ lại ở lăng bằng cách đặt nằm trên thảm khi tế lễ, còn ngày thường ắt phải cất giữ ở hầm kín.

Địch hiến chương với **chương** là văn của bầy tôi dâng lên vua, **hiến** có khi hiểu là **đại quan**, **địch** là dẫn dắt; như thế câu 4 có thể hiểu chính trị anh minh của nhà vua khiến bề tôi viết nên minh văn trên bia của lăng.

Khâm tại tả, tức là cung kính ở bên trái. Bia đại diện cho **“hoàng linh”** (linh hồn nhà vua), mà cung kính bên trái tức **nhà bia** và **bia** của lăng được bố trí bên trái lăng vậy.

Thánh dận là người nối dõi có nhân cách siêu phàm, **bảo minh** là gánh vác một cách sáng suốt. **Ngưỡng đương dương** với ngưỡng là ngửa mặt lên, **đương đương** là thiên tử đứng ngoảnh mặt về phương nam để hiệu lệnh chư hầu. Như thế câu 6 ám chỉ

vua con Cảnh Thịnh đứng tế lễ ở lăng, ngựa mặt và ngoảnh về phía nam, tức tọa cán hướng khôn, còn tiên đế đang nằm theo thế tọa khôn hướng cần.

Ở lăng Ba Vành, rõ ràng người thiết kế với ý đồ kiến trúc đã thể hiện **“trục phương”**(thẳng vuông) khá rõ. Người ta bố trí **nhà bia, hầm chứa đồ thờ cúng** trên một trục vuông góc với đường thần đạo (trục đối xứng của bửu thành lăng Đan Dương). Còn **nấm mộ mai rùa, bia phụng lập, bình phong, 9 hồi văn hoa long, cổng lăng, tân nguyệt trì** thì đối xứng qua đường thần đạo. Ngô Thời Nhậm với hai câu kết đã nói lên chủ đích của sự sắp xếp như thế, với lòng mong muốn bồi đắp đức trời, đúng theo **khôn đạo**. Lăng Ba Vành cũng hội đủ những miêu tả của Ngô Thời Nhậm về lăng vua Quang Trung.

Phần còn lại của bia thờ Nắp hầm chứa đồ thờ



Bia ghi năm phụng lập

Hình 129: Mô hình tái cấu trúc lăng Ba Vành

Một ngôi lăng hội đủ tiêu chí của một lăng vua như gấp 3, gấp 4 lần lăng của các chúa Nguyễn, ở huyệt mộ để vương nhưng bị thủy giải, có tân nguyệt trì, có cổng tam quan trong khi lăng các chúa Nguyễn chỉ có một cửa, có nhiều gạch bìa giống kích thước, màu gạch như ở GÒ VIÊN KHÂU, ĐÀN PHƯƠNG TRẠCH TÂY SƠN ở kinh đô Phú Xuân. Đặc biệt có 3 uynh thành như lăng mộ ông nội của Tây Sơn tam kiệt và có mô típ rồng cách điệu mang nét đặc trưng của môtip rồng Tây Sơn.. Chừng ấy chúng tôi đủ tin rằng: Lăng Ba Vành là Đan Dương lăng của vua Quang Trung.

Và tất nhiên khi lăng Ba Vành là lăng vua Quang Trung thì công trình kiến trúc này phải bị vua Gia Long quật phá để trị tội, bị yểm và có những án chứng tỏ rõ để quyền của vua gia Long. Chúng tôi sẽ trình bày những vấn đề này trong bài viết sau.

Huế, tháng 7-2009.

Trần Viết Điền